



GIÁ TRỊ ĐÍCH THỰC



CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

# VỮNG BƯỚC ĐỒNG HÀNH

BÁO CÁO  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**



# MỤC LỤC

## THƯ TỔNG GIÁM ĐỐC 06

## 01 GIỚI THIỆU CHUNG

- |   |    |
|---|----|
| 1.1 THÔNG TIN KHÁI QUÁT                                     | 10 |
| 1.2 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN                      | 12 |
| 1.3 SỨ MỆNH VÀ VAI TRÒ VFC TRONG NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM | 14 |
| 1.4 NGÀNH NGHỀ & LĨNH VỰC KINH DOANH                        | 16 |

## 02 BỐI CẢNH VÀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- |   |    |
|---|----|
| 2.1 BỐI CẢNH                                  | 24 |
| 2.2 TRIẾT LÝ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VFC      | 25 |
| 2.3 HỆ THỐNG QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG     | 26 |
| 2.4 VAI TRÒ VÀ VỊ THẾ CỦA VFC TRÊN THỊ TRƯỜNG | 32 |
| 2.5 GIỚI THIỆU BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG    | 34 |



## 03 HOẠT ĐỘNG CỦA CHÚNG TÔI

- |   |    |
|---|----|
| 3.1 PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP                    | 50 |
| 3.2 THÚC ĐẨY NÔNG NGHIỆP XANH VÀ BỀN VỮNG             | 54 |
| 3.3 NGƯỜI LAO ĐỘNG – NỀN TẢNG CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG | 62 |
| 3.4 GIÁ TRỊ CHIA SẺ VỚI NÔNG DÂN VÀ CỘNG ĐỒNG         | 70 |
| 3.5 ĐỐI TÁC TIN CẬY                                   | 76 |

## 04 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- |                           |    |
|---------------------------|----|
| 4.1 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN | 80 |
| 4.2 KẾ HOẠCH THỰC HIỆN    | 82 |

## 05 PHỤ LỤC

- |                 |    |
|-----------------|----|
| 5.1 MỤC LỤC GRI | 90 |
|-----------------|----|

# THƯ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông  
**Trần Văn Dũng**

Tổng Giám Đốc



**Kính gửi Quý cổ đông, Quý đối tác, Quý khách hàng và toàn thể cán bộ nhân viên,**

Năm 2025 tiếp tục là một năm nhiều thách thức đối với ngành nông nghiệp trong bối cảnh biến động kinh tế, chi phí đầu vào tăng và yêu cầu ngày càng cao về sản xuất bền vững. Trong điều kiện đó, Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFC) vẫn kiên định với định hướng phát triển ổn định, hiệu quả và gắn kết với trách nhiệm môi trường và xã hội.

Các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Công ty như sản phẩm bảo vệ thực vật, dịch vụ khử trùng và kiểm soát dịch hại tiếp tục được duy trì và phát triển. Song song với mục tiêu tăng trưởng, VFC chú trọng nâng cao hệ thống quản trị, cải thiện hiệu quả sử dụng nguồn lực và từng bước tiếp cận các thông lệ quản trị bền vững.

Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 đánh dấu bước khởi đầu trong việc hệ thống hóa và công bố các hoạt động liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị (ESG), thể hiện cam kết của VFC đối với sự phát triển minh bạch và lâu dài.

Thay mặt Ban Điều hành, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng của Quý cổ đông, Quý đối tác, khách hàng cùng sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên trong suốt thời gian qua. VFC sẽ tiếp tục đồng hành cùng nông nghiệp Việt Nam, hướng tới sự phát triển bền vững và giá trị lâu dài.

Trân trọng,

Trần Văn Dũng  
**Tổng Giám đốc**

# Chương 01

## GIỚI THIỆU CHUNG

1.1	THÔNG TIN KHÁI QUÁT	10
1.2	QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	12
1.3	SỨ MỆNH VÀ VAI TRÒ VFC TRONG NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	14
1.4	NGÀNH NGHỀ & LĨNH VỰC KINH DOANH	16

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên giao dịch</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM
<b>Tên tiếng Anh</b>	VIETNAM FUMIGATION JOINT STOCK COMPANY
<b>Tên viết tắt</b>	VFC
<b>Mã cổ phiếu</b>	VFG
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số</b>	0302327629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/12/2001, thay đổi lần thứ 32 ngày 31/07/2025.
<b>Vốn điều lệ</b>	417.146.140.000 đồng
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	417.146.140.000 đồng
<b>Địa chỉ</b>	29 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh.
<b>Số điện thoại</b>	028 3822 8097
<b>Số fax</b>	028 3829 0457
<b>Website</b>	<a href="http://www.vfc.com.vn">www.vfc.com.vn</a>



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

## 1976

Thành lập Đội Khử Trùng trực thuộc Cục Bảo vệ Thực vật - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đặt nền móng cho hoạt động khử trùng chuyên nghiệp tại Việt Nam.

## 1993

Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm chính thức quyết định thành lập Công ty Khử trùng Việt Nam trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị Khử trùng I và II, trụ sở đặt tại TP.HCM.

## 1985

Hợp nhất từ Công ty Khử Trùng 1 và 2 thành Công ty Khử Trùng Việt Nam.

## 1999

Đánh dấu bước chuyển quan trọng khi bộ phận kinh doanh nông dược được cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam với vốn điều lệ **16,63** tỷ đồng

## 2001

Phần còn lại tiếp tục cổ phần hóa, hình thành Công ty Cổ phần Khử trùng Giám định Việt Nam; cuối năm, hai công ty được sáp nhập, nâng vốn điều lệ lên

**28,63** tỷ đồng

## 2009

Tháng 8/2009, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam; đến tháng 12/2009, cổ phiếu VFG chính thức niêm yết trên HOSE.

## 2007

Đánh dấu bước mở rộng mạnh mẽ: Công ty phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đối tác chiến lược, sáp nhập với Công ty Đầu tư Hồng Đức, nâng vốn điều lệ lên 46 tỷ đồng và trở thành công ty đại chúng.

## 2019

Tiếp tục củng cố hệ thống bằng việc sắp xếp, sáp nhập chi nhánh và đầu tư nâng cấp nhà máy, trang thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh.

## 2012

Triển khai dự án tái cấu trúc toàn diện, đổi mới mô hình kinh doanh và quản trị.

## 2023

Ghi dấu mốc kỷ lục với doanh thu 3.262 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 296 tỷ đồng, củng cố vị thế doanh nghiệp khử trùng hàng đầu Việt Nam.

## 2022

Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên **417,146** tỷ đồng

## 2025

Tiếp tục mục tiêu tăng trưởng bền vững, đẩy mạnh tái cấu trúc, chuyển đổi số, phát triển các dự án sinh học - hữu cơ công nghệ cao và mở rộng thị trường, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển mới.

## 2024

Hoàn tất thỏa thuận góp vốn, đưa Công ty TNHH Hải Yến trở thành công ty con; lợi nhuận sau thuế toàn Tập đoàn đạt 470,61 tỷ đồng - năm thứ ba liên tiếp tăng trưởng ấn tượng.



# SỨ MỆNH VÀ VAI TRÒ VFC TRONG NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

VFC kiên định với sứ mệnh hỗ trợ phát triển nông nghiệp bền vững và cải thiện môi trường sống thông qua việc cung cấp các giải pháp nông nghiệp và dịch vụ kiểm soát dịch hại ứng dụng công nghệ. Với kinh nghiệm hoạt động trong các lĩnh vực nông dươc, khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại, Công ty liên tục nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và năng lực chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Trong chuỗi giá trị nông nghiệp, VFC không chỉ cung cấp sản phẩm và dịch vụ mà còn đồng hành cùng nông dân, khách hàng và doanh nghiệp với vai trò đối tác kỹ thuật. Thông qua các giải pháp bảo vệ thực vật, xử lý sau thu hoạch, khử trùng và kiểm soát dịch hại, Công ty góp phần bảo vệ mùa màng, hạn chế tổn thất, nâng cao chất lượng nông sản và hỗ trợ đáp ứng các yêu cầu về an toàn, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn môi trường.

Vai trò của VFC được thể hiện trên ba phương diện kinh tế, xã hội và môi trường.

- Về kinh tế, các giải pháp của Công ty góp phần tối ưu chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng đầu vào và gia tăng giá trị nông sản.
- Về xã hội, VFC chú trọng giảm rủi ro trong quá trình sử dụng sản phẩm, nâng cao nhận thức về an toàn và hỗ trợ người nông dân áp dụng các giải pháp canh tác phù hợp.
- Về môi trường, Công ty từng bước thúc đẩy việc sử dụng các giải pháp an toàn hơn, đồng thời giảm thiểu tác động bất lợi phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông và sử dụng sản phẩm.

Bên cạnh đó, VFC là thành viên của các tổ chức chuyên ngành quốc tế, bao gồm Hiệp hội Khử trùng Hàng Hải quốc tế (IMFO) và Hiệp hội Quản lý Dịch hại Hoa Kỳ (NPMA). Việc tham gia các tổ chức này giúp Công ty cập nhật thông lệ và tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế, đồng thời củng cố uy tín trong lĩnh vực khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại.



Trong bối cảnh ngành nông nghiệp đang chuyển dịch theo hướng minh bạch và bền vững hơn, VFC xác định trách nhiệm của mình không chỉ ở hiệu quả kinh doanh mà còn ở việc tạo ra giá trị dài hạn cho các bên liên quan. Đây là nền tảng để Công ty tiếp tục đồng hành cùng nông dân, đối tác và cộng đồng trong quá trình hướng tới một nền nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững hơn.

## Hoạt động hợp tác với đối tác và khách hàng

### Trong mảng nông dươc

VFC duy trì hợp tác với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước nhằm nghiên cứu, thử nghiệm và chuyển giao các bộ sản phẩm phù hợp với điều kiện canh tác tại Việt Nam. Công ty đồng thời phối hợp tổ chức hội thảo, đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho hệ thống phân phối, đại lý và nông dân, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng sản phẩm và thúc đẩy thực hành canh tác an toàn hơn.

### Trong mảng kiểm soát sinh vật gây hại (PCO)

VFC hợp tác với nhiều khách hàng trong lĩnh vực khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng, trung tâm thương mại và các công trình dịch vụ để xây dựng quy trình kiểm soát dịch hại bài bản, phù hợp với yêu cầu về vệ sinh, an toàn và chất lượng dịch vụ. Thông qua đó, Công ty góp phần hỗ trợ khách hàng duy trì môi trường vận hành an toàn, ổn định và chuyên nghiệp hơn.

### Trong mảng khử trùng

VFC đồng hành cùng các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản, kho lạnh, kho ngoại quan, đơn vị logistics và các đối tác liên quan trong việc cung cấp dịch vụ khử trùng đáp ứng yêu cầu của cơ quan kiểm dịch trong nước và quốc tế. Hoạt động này góp phần bảo đảm chất lượng hàng hóa, hạn chế rủi ro trong lưu thông và hỗ trợ nâng cao uy tín nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.

### Cam kết đồng hành cùng nông dân, đối tác và cộng đồng

Với định hướng phát triển bền vững và tinh thần “Giá trị đích thực”, VFC không ngừng hoàn thiện mô hình hoạt động theo hướng có trách nhiệm và tạo giá trị dài hạn cho các bên liên quan. Công ty chú trọng đồng hành cùng người nông dân thông qua các chương trình chuyển giao kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng sản phẩm an toàn, hiệu quả và phát triển các mô hình hỗ trợ canh tác phù hợp với thực tiễn sản xuất.

Bên cạnh đó, VFC tiếp tục củng cố mạng lưới hợp tác với các đối tác trong chuỗi giá trị, thúc đẩy các giải pháp nông nghiệp an toàn, minh bạch và hiệu quả hơn. Thông qua hoạt động sản xuất - kinh doanh và các chương trình trách nhiệm xã hội, Công ty hướng tới đóng góp tích cực cho một nền nông nghiệp Việt Nam xanh hơn, hiệu quả hơn và bền vững hơn.



# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## Ngành nghề kinh doanh

Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFC) hiện hoạt động trong bốn lĩnh vực chính: nông dược; dịch vụ khử trùng; dịch vụ kiểm soát sinh vật gây hại; và cho thuê văn phòng. Các lĩnh vực này tạo nên hệ sinh thái dịch vụ gắn với chuỗi giá trị nông nghiệp và thương mại, đồng thời góp phần đa dạng hóa nguồn thu và củng cố nền tảng phát triển bền vững của Công ty.

### Nông dược



Từ năm 1994, VFC chính thức tham gia lĩnh vực nông dược và từng bước khẳng định vị thế trên thị trường thông qua việc cung ứng các sản phẩm phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Danh mục sản phẩm của VFC bao gồm thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ lúa và thuốc trừ bệnh, được nhập khẩu từ các nhà sản xuất thuốc bảo vệ thực vật uy tín trên thế giới. Công ty chú trọng kiểm soát chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu cạnh tranh ngày càng cao của thị trường.

VFC là đối tác của nhiều doanh nghiệp và tổ chức khoa học – kỹ thuật trong và ngoài nước như Syngenta, Sinon, KingElong, NuFarm, Agrilife, Kumiai, Cục Bảo vệ Thực vật, Trung tâm Công nghệ Sinh học TP. Hồ Chí Minh, Viện Cây ăn quả Miền Nam, Vinaseed và Vietnam Food (VNF). Trên cơ sở đó, Công ty tiếp tục mở rộng danh mục sản phẩm, cải tiến công nghệ và phục vụ nhóm khách hàng có yêu cầu cao về chất lượng và hiệu quả sử dụng.

### Dịch vụ khử trùng



Hoạt động khử trùng của VFC được hình thành từ nền tảng các đơn vị khử trùng và kiểm dịch thực vật tại miền Nam trước năm 1975, sau đó được tiếp quản, duy trì và từng bước phát triển qua nhiều giai đoạn. Năm 1993, các đơn vị khử trùng thuộc Cục Bảo vệ thực vật được hợp nhất thành Công ty Khử trùng Việt Nam.

Với hơn 50 năm kinh nghiệm, VFC hiện cung cấp dịch vụ khử trùng hàng hóa xuất nhập khẩu và kiểm soát sinh vật gây hại cho khu dân cư, nhà máy và khu công nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Mạng lưới hoạt động rộng và đội ngũ chuyên môn của Công ty cho phép triển khai các giải pháp phù hợp với yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.

VFC hiện phục vụ hơn 5.000 khách hàng thường xuyên, trong đó có nhiều đối tác đã gắn bó hàng chục năm với công ty. Đây là minh chứng rõ nét cho uy tín, chất lượng và sự tận tâm trong dịch vụ mà VFC đã cung cấp. Dịch vụ khử trùng của Công ty đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm dịch quốc tế, qua đó hỗ trợ hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa và góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.

### Kiểm soát dịch hại



PestMan là thương hiệu của VFC trong lĩnh vực kiểm soát côn trùng và sinh vật gây hại (PCO). Kế thừa kinh nghiệm và uy tín của VFC, PestMan phát triển các giải pháp kiểm soát dịch hại trên cơ sở dữ liệu chuyên môn được cập nhật thường xuyên, phù hợp với đặc điểm từng nhóm đối tượng gây hại.

Các giải pháp của PestMan được xây dựng theo hướng bảo đảm hiệu quả xử lý, đồng thời đáp ứng yêu cầu an toàn đối với con người, vật nuôi và môi trường. Dịch vụ được thiết kế phù hợp với đặc thù từng khách hàng, góp phần hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, môi trường sống và môi trường làm việc.

PestMan hiện cung cấp dịch vụ cho nhà máy, kho bãi, khu công nghiệp và công trình dân dụng trên toàn quốc, với đội ngũ nhân sự được đào tạo chuyên môn và phương pháp xử lý theo hướng an toàn, hiệu quả.

### Cho thuê văn phòng tại VFC Tower



Bên cạnh các hoạt động kinh doanh cốt lõi, VFC khai thác dịch vụ cho thuê văn phòng tại VFC Tower. Tòa nhà gồm 9 tầng văn phòng, trong đó có 7 tầng cho thuê, diện tích mỗi sàn khoảng 250 m<sup>2</sup>, cùng hệ thống hội trường và phòng họp đáp ứng nhu cầu làm việc của doanh nghiệp.

Với vị trí thuận lợi, cơ sở vật chất đồng bộ và dịch vụ hỗ trợ phù hợp, VFC Tower cung cấp không gian làm việc chuyên nghiệp cho khách thuê tại khu vực trung tâm thành phố.

# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

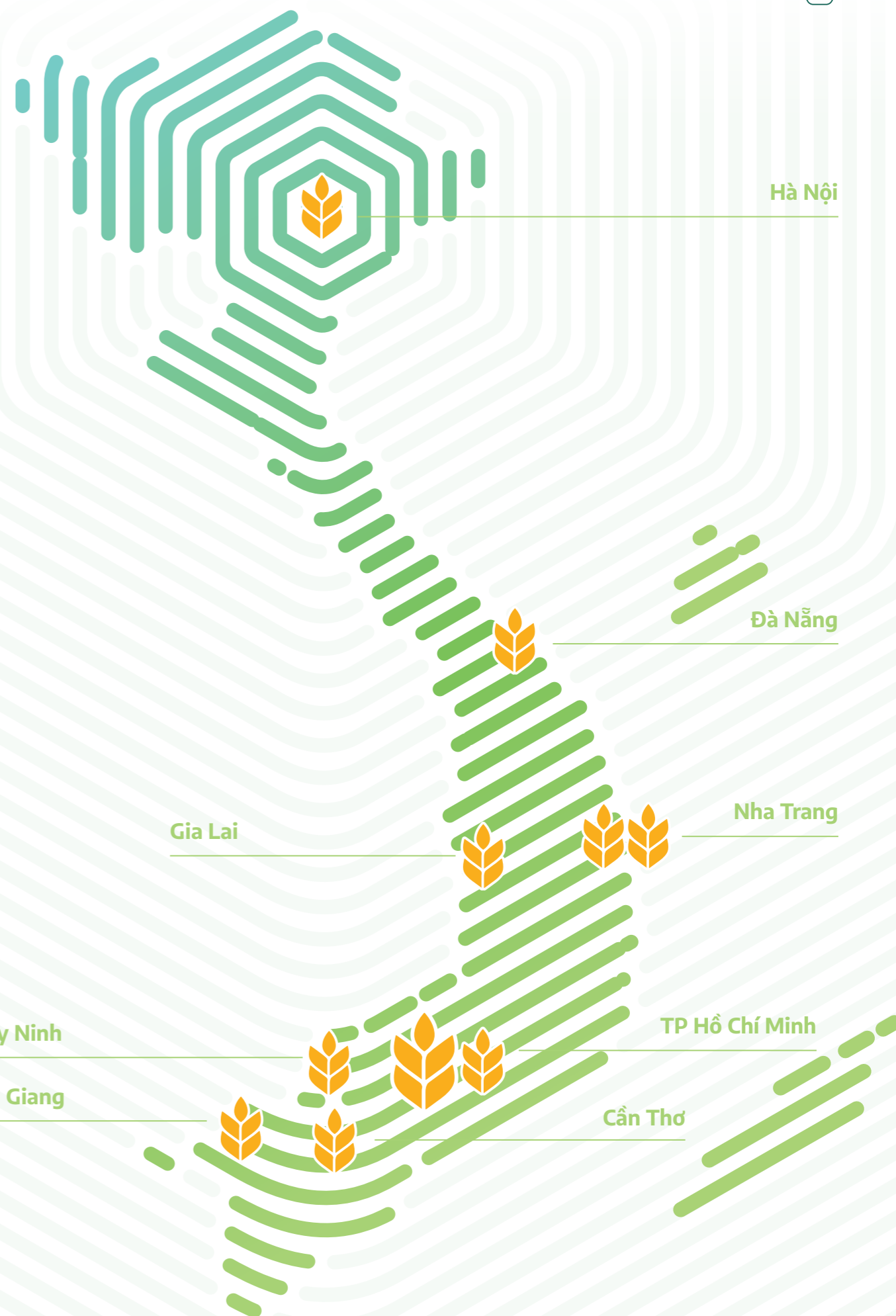
## Địa bàn kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam trải dài trên phạm vi cả nước, với trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh cùng hệ thống 8 chi nhánh và 13 điểm kinh doanh trực thuộc.

Văn phòng trụ sở chính: Tòa nhà VFC, Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Nam Sông Hậu	Lô 30A3 KCN Trà Nóc 1, Phường Thới An Đông, TP Cần Thơ
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng	292 đường 2/9, Phường Hòa Cường, Đà Nẵng
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại phía Bắc	Căn 8 -TM2A - C1 Khu đô thị Nam Vành đai 3 - Giai đoạn 1, Phường Định Công, Hà Nội
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Quy Nhơn	263 đường Trần Hưng Đạo, Phường Quy Nhơn, Gia Lai
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Nha Trang	Lô 2-4-6 Đường Trần Hữu Duyệt, KĐT Vĩnh Điềm Trung, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
6	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam chi nhánh Bắc Sông Hậu	612, Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, An Giang
7	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Hồ Chí Minh	37 Nguyễn Trung Ngạn, Phường Sài Gòn, TP.HCM
8	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Đức Hoà Long An	Lô B107 Khu công nghiệp Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập, Tây Ninh



### Các địa điểm kinh doanh trực thuộc

STT	Địa điểm kinh doanh trực thuộc	Địa chỉ
1	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	49 Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Tân Thới Hiệp, TP.HCM
2	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Bắc Sông Hậu	612, Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, xã Bình Hòa, An Giang
3	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Sông Tiền	342, đường Quốc Lộ 30, Phường Mỹ Trà, Đồng Tháp
4	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Nam Sông Hậu	Lô 30A3-3KCN Trà Nóc I, phường Thới An Đông, TP Cần Thơ
5	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Đồng Nai	B7 KDC Xóm Hố, ấp Ngô Quyền, xã Dầu Dầy, Đồng Nai
6	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại vùng Nam Trung Bộ	263 Trần Hưng Đạo, Phường Quy Nhơn, Gia Lai
7	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Đắk Lắk	170 Chu Văn An, Phường Tân An, Đắk Lắk
8	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại phía Bắc	LK07, Đường Vàng Anh, Dự án Eurowindow twin parks, Gia Lâm, Hà Nội
9	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại vùng Trung Trung Bộ	292 Đường 2/9, Phường Hòa Cường, Đà Nẵng
10	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam vùng Đông Nam Bộ 2	Ô 2, KP Rạch Sơn, Phường Gò Dầu, Tây Ninh
11	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Sóc Trăng	Thửa đất số 1187, tờ bản đồ số 06, ấp An Trạch, Xã An Ninh, TP.Cần Thơ
12	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Sông Tiền 2	467 Quốc Lộ 1A, Khu Phố 1, Phường Cai Lậy, Đồng Tháp
13	Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Bình Dương	5/2 khu phố 1B, phường An Phú, TP.HCM



# Chương 02

## BỐI CẢNH VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2.1	BỐI CẢNH	24
2.2	TRIẾT LÝ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VFC	25
2.3	HỆ THỐNG QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	26
2.4	VAI TRÒ VÀ VỊ THẾ CỦA VFC TRÊN THỊ TRƯỜNG	32
2.5	GIỚI THIỆU BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	34

## BỐI CẢNH

### Nông nghiệp tái sinh và định hướng giảm phát thải

Nông nghiệp Việt Nam đang chuyển dịch theo hướng bền vững hơn, với trọng tâm là giảm phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên và nâng cao khả năng thích ứng. Trong bối cảnh đó, nông nghiệp tái sinh ngày càng được quan tâm, đồng thời đặt ra yêu cầu mới đối với doanh nghiệp trong chuỗi giá trị nông nghiệp.

Đối với VFC, xu hướng này vừa là thách thức vừa là động lực để tiếp tục hoàn thiện danh mục sản phẩm, dịch vụ và mô hình vận hành theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu của thị trường và phát triển bền vững.

### Ứng phó biến đổi khí hậu và kiểm soát khí nhà kính

Biến đổi khí hậu đang ảnh hưởng rõ hơn đến sản xuất nông nghiệp thông qua hạn hán, xâm nhập mặn, dịch hại gia tăng và thời tiết cực đoan. Những yếu tố này làm gia tăng rủi ro đối với năng suất, chất lượng nông sản và hiệu quả sản xuất trong toàn chuỗi giá trị.

Trong bối cảnh đó, giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao khả năng thích ứng là yêu cầu ngày càng rõ nét. Đối với VFC, định hướng này gắn với việc nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, cải tiến sản phẩm và quy trình vận hành, đồng thời hỗ trợ khách hàng tiếp cận các giải pháp phù hợp hơn với điều kiện khí hậu thay đổi.

### An ninh lương thực và chuỗi cung ứng toàn cầu

An ninh lương thực tiếp tục là vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong bối cảnh dân số gia tăng, nhu cầu tiêu dùng thay đổi và thị trường nông sản đặt ra yêu cầu cao hơn về chất lượng, an toàn và truy xuất nguồn gốc. Đồng thời, chuỗi cung ứng nông nghiệp toàn cầu cũng chịu tác động từ biến động thương mại, chi phí logistics và các tiêu chuẩn kiểm soát dư lượng ngày càng chặt chẽ.

Trong bối cảnh đó, vai trò của các doanh nghiệp cung cấp giải pháp bảo vệ thực vật, khử trùng sau thu hoạch và kiểm soát dịch hại ngày càng quan trọng. Với kinh nghiệm và năng lực kỹ thuật của mình, VFC góp phần hỗ trợ bảo vệ chất lượng nông sản, giảm tổn thất sau thu hoạch và duy trì tính ổn định của chuỗi cung ứng.

### Nâng cao hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường

Phát triển bền vững trong nông nghiệp không chỉ gắn với năng suất mà còn gắn với hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm thiểu tác động môi trường. Việc sử dụng hợp lý nguyên vật liệu, tiết kiệm năng lượng, quản lý nước, chất thải và bao bì sau sử dụng đang trở thành yêu cầu ngày càng rõ hơn đối với doanh nghiệp trong ngành.

Đối với VFC, đây là cơ sở để tiếp tục hoàn thiện mô hình vận hành theo hướng hiệu quả và có trách nhiệm hơn. Công ty định hướng nâng cao hiệu quả phòng trừ dịch hại, đồng thời chú trọng kiểm soát tác động môi trường trong hoạt động sản xuất - kinh doanh và quản lý vòng đời sản phẩm.

### Chia sẻ giá trị và đồng hành cùng người nông dân

Trong quá trình chuyển dịch sang nền nông nghiệp bền vững, người nông dân tiếp tục giữ vai trò trung tâm nhưng cũng là nhóm chịu nhiều tác động từ biến động thời tiết, chi phí đầu vào, yêu cầu kỹ thuật và rủi ro thị trường. Vì vậy, phát triển bền vững không chỉ là câu chuyện của công nghệ và quản trị mà còn là khả năng chia sẻ giá trị và đồng hành thực chất với người sản xuất.

VFC xác định vai trò của mình không chỉ ở việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ mà còn ở hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng an toàn và góp phần nâng cao hiệu quả canh tác. Đây là một nội dung quan trọng trong trách nhiệm của Công ty đối với ngành nông nghiệp và cộng đồng.

## TRIẾT LÝ & MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VFC

### Triết lý phát triển bền vững

Phát triển bền vững tại VFC được hiểu là quá trình tạo ra giá trị kinh tế đi cùng với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và các bên liên quan trong toàn bộ chuỗi giá trị nông nghiệp.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông dươc, khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại, VFC nhận thức rõ vai trò của mình trong việc hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hiệu quả đồng thời giảm thiểu các rủi ro đối với con người và hệ sinh thái. Vì vậy, Công ty định hướng phát triển theo nguyên tắc sử dụng giải pháp bảo vệ thực vật một cách có trách nhiệm, cải tiến sản phẩm và quy trình theo hướng an toàn hơn, đồng thời nâng cao nhận thức và thực hành sử dụng đúng kỹ thuật trong toàn chuỗi giá trị.

Trên nền tảng đó, VFC từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị, kiểm soát tốt hơn các tác động môi trường - xã hội và thúc đẩy các giải pháp phù hợp với xu hướng nông nghiệp xanh và phát triển bền vững.

### Mục tiêu phát triển bền vững

Trên cơ sở định hướng phát triển dài hạn, VFC xác định các mục tiêu trọng tâm theo hướng cân bằng giữa hiệu quả kinh doanh, trách nhiệm môi trường, giá trị xã hội và quản trị minh bạch. Đây là nền tảng để Công ty từng bước tích hợp phát triển bền vững vào chiến lược và hoạt động vận hành.

#### Mục tiêu kinh tế

VFC hướng tới duy trì tăng trưởng ổn định trên nền tảng các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, đồng thời nâng cao chất lượng tăng trưởng thông qua tối ưu hiệu quả hoạt động, kiểm soát chi phí và đa dạng hóa nguồn thu. Công ty tiếp tục củng cố vị thế trong các mảng nông dươc, khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại, đồng thời gia tăng đóng góp của các mảng dịch vụ kỹ thuật.

#### Mục tiêu môi trường

VFC đặt mục tiêu từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, nước và nguyên vật liệu; tối ưu hóa quy trình vận hành; kiểm soát chất thải; và thực hiện hiệu quả trách nhiệm đối với vòng đời sản phẩm, bao gồm bao bì sau sử dụng và nghĩa vụ EPR. Công ty đồng thời hướng tới mở rộng tỷ trọng các sản phẩm sinh học, hữu cơ, biostimulant và từng bước hoàn thiện hệ thống theo dõi dữ liệu môi trường, phát thải khí nhà kính và các rủi ro liên quan đến nước, chất thải và đa dạng sinh học.

#### Mục tiêu xã hội

VFC hướng tới xây dựng môi trường làm việc an toàn, ổn định, công bằng và tạo điều kiện phát triển lâu dài cho người lao động. Đối với khách hàng, người nông dân và cộng đồng, Công ty đặt mục tiêu tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ, minh bạch thông tin, tăng cường tư vấn kỹ thuật và hỗ trợ sử dụng sản phẩm an toàn, hiệu quả hơn. Đồng thời, VFC tiếp tục mở rộng các chương trình đồng hành cùng nông dân và các sáng kiến chia sẻ giá trị với cộng đồng địa phương.

#### Mục tiêu quản trị

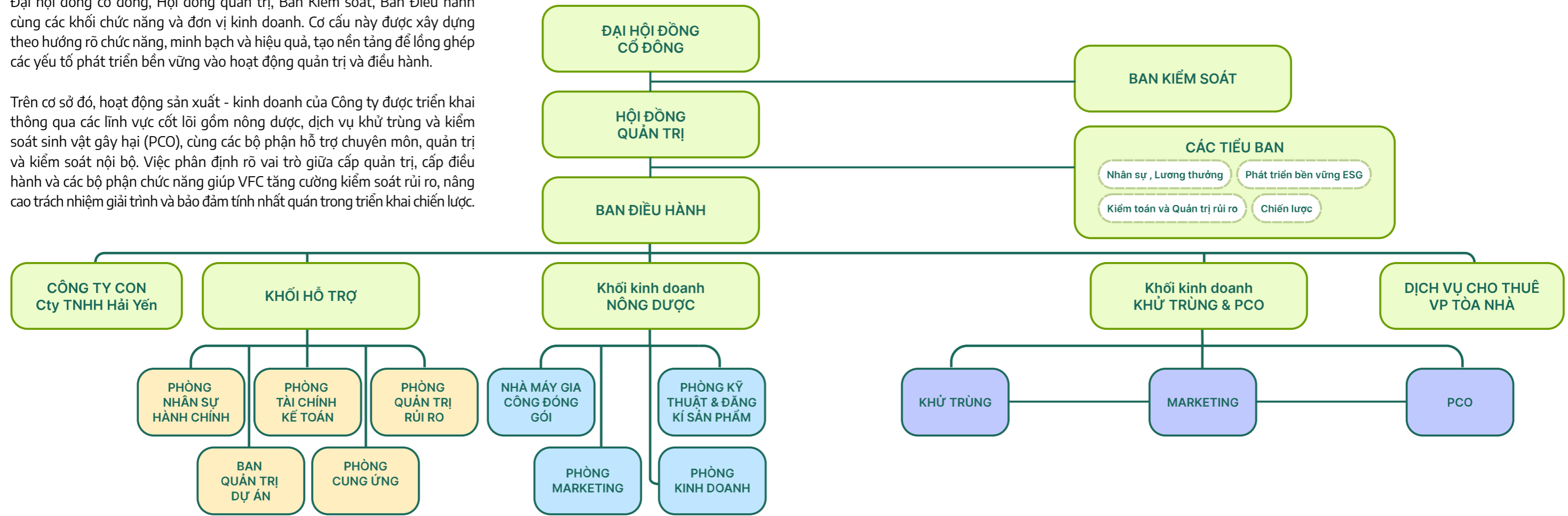
VFC xác định nâng cao chất lượng quản trị là mục tiêu nền tảng cho phát triển dài hạn. Trong giai đoạn tới, Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị theo hướng minh bạch, hiệu quả và gắn kết chặt chẽ hơn với các yếu tố ESG. Trọng tâm gồm tăng cường quản trị rủi ro, hoàn thiện kiểm soát nội bộ, nâng cao trách nhiệm giải trình, chuẩn hóa dữ liệu, đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao chất lượng công bố thông tin.

# HỆ THỐNG QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## Mô hình quản trị

Hệ thống quản trị của VFC được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành cùng các khối chức năng và đơn vị kinh doanh. Cơ cấu này được xây dựng theo hướng rõ chức năng, minh bạch và hiệu quả, tạo nền tảng để lồng ghép các yếu tố phát triển bền vững vào hoạt động quản trị và điều hành.

Trên cơ sở đó, hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty được triển khai thông qua các lĩnh vực cốt lõi gồm nông dứa, dịch vụ khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại (PCO), cùng các bộ phận hỗ trợ chuyên môn, quản trị và kiểm soát nội bộ. Việc phân định rõ vai trò giữa cấp quản trị, cấp điều hành và các bộ phận chức năng giúp VFC tăng cường kiểm soát rủi ro, nâng cao trách nhiệm giải trình và bảo đảm tính nhất quán trong triển khai chiến lược.



Cơ cấu tổ chức của VFC được thiết kế theo hướng chuyên môn hóa, bảo đảm hiệu quả, minh bạch và linh hoạt trong vận hành.

Việc phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ phận giúp VFC nâng cao hiệu quả vận hành và sử dụng nguồn lực.

<b>Đại hội đồng cổ đông</b>	Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết và quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty.
<b>Hội đồng quản trị</b>	Thực hiện chức năng quản lý và định hướng chiến lược, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
<b>Ban Kiểm soát</b>	Đại diện cổ đông thực hiện chức năng giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành, bảo đảm tính minh bạch và tuân thủ.
<b>Ban Tổng giám đốc</b>	Điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc triển khai chiến lược và thực hiện các nhiệm vụ được giao.

# HỆ THỐNG QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TT)

## Vai trò của Hội đồng quản trị và các tiểu ban chuyên trách

Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược, giám sát hoạt động điều hành và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thành lập và ban hành quy chế hoạt động cho 04 tiểu ban trực thuộc, gồm: Tiểu ban Chiến lược, Tiểu ban Phát triển bền vững, Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng và Tiểu ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro. Các tiểu ban hỗ trợ Hội đồng quản trị trong công tác tham mưu, giám sát và hoàn thiện hệ thống quản trị.

Trong đó, Tiểu ban Phát triển bền vững ESG tham mưu cho Hội đồng quản trị về chiến lược ESG và các chính sách liên quan đến môi trường, sức khỏe, an toàn, trách nhiệm xã hội và đạo đức kinh doanh; đồng thời theo dõi công bố thông tin ESG, phối hợp với Ban Điều hành triển khai các chương trình phát triển bền vững và đề xuất các chỉ tiêu ESG phục vụ công tác quản trị, điều hành và báo cáo.

Tiểu ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro có chức năng giám sát tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ; thẩm tra báo cáo tài chính; tham mưu xây dựng cơ chế nhận diện, cảnh báo rủi ro; đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ và đề xuất biện pháp quản trị đối với các rủi ro tài chính, thuế và vận hành.



Tính đến ngày 31/12/2025,  
Hội đồng quản trị gồm:  
**05 thành viên**

Trong đó có 01 thành viên độc lập.

### Ông Trương Công Cứ

Chủ tịch HĐQT/ Người Đại diện theo Pháp luật	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu
	<b>779.751</b>	<b>1,87%</b>



### Bà Nguyễn Thị Trà My

Thành viên HĐQT	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu
	<b>0</b>	<b>0,00%</b>



### Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương

Thành viên HĐQT	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu
	<b>0</b>	<b>0,00%</b>



### Ông Trần Văn Dũng

Thành viên HĐQT/ Tổng Giám Đốc/ Người được ủy quyền công bố thông tin (CBTT)	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu
	<b>3.995</b>	<b>0,01%</b>



### Ông Mai Tuấn Anh

Thành viên HĐQT độc lập	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu
	<b>14.069</b>	<b>0,03%</b>



## HỆ THỐNG QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TT)

### Cơ chế điều hành và triển khai phát triển bền vững

Để triển khai các định hướng phát triển bền vững trong thực tiễn, Tổng Giám đốc VFC đã thành lập Ban điều hành Chương trình phát triển bền vững với sự tham gia của đại diện các phòng ban và đơn vị chuyên môn. Ban điều hành có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai các chương trình phát triển bền vững và báo cáo định kỳ kết quả thực hiện cho Ban lãnh đạo Công ty.

Cơ chế phối hợp giữa Hội đồng quản trị, các tiểu ban chuyên trách và Ban Điều hành giúp các định hướng phát triển bền vững được chuyển hóa thành hành động cụ thể trong hoạt động quản lý, đầu tư, kiểm soát rủi ro và công bố thông tin.

### Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ

VFC duy trì hệ thống quản trị rủi ro và cơ chế giám sát nội bộ thông qua Ban Kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ, các tiểu ban chuyên trách và các bộ phận chức năng. Trong năm 2025, Công ty tiếp tục tăng cường năng lực giám sát thông qua các báo cáo đánh giá rủi ro định kỳ và xây dựng bản đồ rủi ro doanh nghiệp, qua đó nâng cao khả năng nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với các rủi ro phát sinh trong hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Hội đồng quản trị yêu cầu các thành viên khai báo đầy đủ lợi ích liên quan trước khi thảo luận và biểu quyết các vấn đề có khả năng phát sinh xung đột, đồng thời tuân thủ quy định về giao dịch với bên liên quan theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Thông tin về sở hữu cổ phần, chức danh kiêm nhiệm và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị được công bố minh bạch trong Báo cáo thường niên theo đúng quy định của cơ quan quản lý.

Dưới góc độ phát triển bền vững, hệ thống này không chỉ phục vụ kiểm soát rủi ro tài chính và tuân thủ mà còn từng bước mở rộng sang các rủi ro về môi trường, xã hội, an toàn, chuỗi cung ứng và uy tín doanh nghiệp.

### Minh bạch thông tin và chuyển đổi số trong quản trị

Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, VFC thực hiện công bố thông tin đầy đủ, minh bạch và kịp thời theo quy định pháp luật. Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện **129 lượt công bố thông tin** định kỳ và bất thường, không ghi nhận vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin.

Song song với đó, VFC tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị thông qua các nền tảng như Workit, hệ thống DMS/SFA và các công cụ quản trị dữ liệu. Việc tăng cường ứng dụng công nghệ góp phần nâng cao tính chính xác, khả năng truy vết và là cơ sở để từng bước chuẩn hóa dữ liệu ESG.

### Định hướng hoàn thiện

Thông qua cơ chế phối hợp giữa Hội đồng quản trị, các tiểu ban chuyên trách, Ban Điều hành và các bộ phận chức năng, VFC tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị phát triển bền vững theo hướng tinh gọn, minh bạch, hiệu quả và có trách nhiệm. Đây là nền tảng để Công ty nâng cao năng lực quản trị dài hạn, củng cố niềm tin của các bên liên quan và tạo giá trị bền vững hơn trong thời gian tới.



## VAI TRÒ VÀ VỊ THẾ CỦA VFC TRÊN THỊ TRƯỜNG

Trong bối cảnh nông nghiệp Việt Nam chuyển dịch theo hướng an toàn và bền vững hơn, VFC là doanh nghiệp có hơn 50 năm hoạt động trong các lĩnh vực nông dược, khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại. Công ty hiện diện ở nhiều khâu của chuỗi giá trị nông nghiệp và thương mại, từ canh tác, bảo quản sau thu hoạch đến kiểm soát dịch hại trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Vai trò của VFC được thể hiện qua năng lực cung cấp các giải pháp gắn với nhu cầu thực tiễn của khách hàng. Thông qua các hoạt động bảo vệ thực vật, xử lý sau thu hoạch, khử trùng hàng hóa xuất nhập khẩu và kiểm soát dịch hại, Công ty góp phần duy trì chất lượng nông sản, giảm tổn thất và hỗ trợ ổn định chuỗi cung ứng.

Đối với VFC, vị thế thị trường không chỉ được phản ánh qua quy mô hoạt động và độ phủ khách hàng mà còn qua chất lượng sản phẩm, năng lực kỹ thuật, mức độ tuân thủ và khả năng thích ứng với yêu cầu mới của thị trường. Đây là nền tảng để Công ty tiếp tục đồng hành cùng khách hàng, người nông dân, đối tác và cộng đồng theo hướng hiệu quả và bền vững hơn.



**VFC**

## GIỚI THIỆU BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### Báo cáo phát hành lần đầu - Khởi đầu cho hành trình bền vững

Năm 2025 là năm đầu tiên VFC công bố Báo cáo Phát triển Bền vững. Việc phát hành báo cáo đánh dấu bước khởi đầu trong quá trình chuẩn hóa công bố thông tin phi tài chính và từng bước lồng ghép các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị vào hoạt động quản trị, vận hành của Công ty. Báo cáo phản ánh các nội dung VFC đã triển khai trong năm, đồng thời tạo nền tảng để Công ty tiếp tục hoàn thiện cách tiếp cận đối với phát triển bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.

### Tiếp cận theo thông lệ quốc tế - Tiến tới minh bạch và chuẩn hóa

Báo cáo được xây dựng theo định hướng tham chiếu GRI Standards 2021 và gắn kết với một số Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs) phù hợp với đặc thù hoạt động của VFC. Thông qua báo cáo này, VFC hướng tới nâng cao tính minh bạch, tính nhất quán và khả năng so sánh của thông tin công bố, đồng thời đáp ứng tốt hơn kỳ vọng của cổ đông và các bên liên quan.

### Xây dựng nền tảng cho quản trị và vận hành chuyên nghiệp

Việc lập Báo cáo Phát triển Bền vững không chỉ phục vụ mục tiêu công bố thông tin mà còn hỗ trợ VFC hoàn thiện nền tảng quản trị. Quá trình rà soát dữ liệu, xác định chủ đề trọng yếu và hệ thống hóa thông tin giúp Công ty nhận diện rõ hơn các tác động kinh tế, môi trường và xã hội phát sinh từ hoạt động sản xuất - kinh doanh. Đây cũng là cơ sở để VFC từng bước củng cố hệ thống theo dõi chỉ tiêu, nâng cao trách nhiệm giải trình và lồng ghép các yếu tố phát triển bền vững vào quá trình ra quyết định.

### Kinh doanh có trách nhiệm - Hòa hòa giữa hiệu quả và giá trị dài hạn

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông dược, khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại, VFC xác định hiệu quả kinh doanh cần đi cùng với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng. Vì vậy, định hướng phát triển của Công ty không chỉ tập trung vào hiệu quả hoạt động mà còn hướng đến nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, sử dụng tài nguyên có trách nhiệm và đồng hành cùng các bên liên quan trong chuỗi giá trị.

Báo cáo này phản ánh cách tiếp cận của VFC đối với mô hình kinh doanh có trách nhiệm, trong đó giá trị tạo ra được xem xét không chỉ từ kết quả tài chính mà còn từ tác động dài hạn đối với ngành nông nghiệp và các bên liên quan.

### Lượng hóa tác động - Cải tiến liên tục

VFC xác định phát triển bền vững là quá trình cải tiến liên tục. Bên cạnh việc ghi nhận các hoạt động đã triển khai, Công ty từng bước xây dựng hệ thống chỉ tiêu và dữ liệu để theo dõi tốt hơn các tác động kinh tế, môi trường và xã hội. Việc lượng hóa tác động giúp nâng cao chất lượng báo cáo, đồng thời hỗ trợ Công ty nhận diện cơ hội cải thiện trong quản trị, vận hành và phân bổ nguồn lực.

### Cam kết hành động vì tương lai nông nghiệp bền vững

Báo cáo Phát triển Bền vững 2025 thể hiện cam kết của VFC trong việc theo đuổi định hướng phát triển ổn định, có trách nhiệm và minh bạch hơn. Công ty xác định đây là quá trình dài hạn, đòi hỏi sự tham gia của toàn hệ thống và sự đồng hành của các bên liên quan.

Trên cơ sở đó, VFC sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng công bố thông tin và thúc đẩy các hoạt động tạo giá trị dài hạn cho khách hàng, người lao động, đối tác, cộng đồng và môi trường.

### Thông tin chung về báo cáo

- **Chu kỳ báo cáo:** Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025
- **Phạm vi báo cáo:** Toàn bộ hoạt động của VFC trong các lĩnh vực nông dược, khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại tại Việt Nam
- **Tiêu chuẩn báo cáo:** Báo cáo này được lập có tham chiếu đến Bộ Tiêu chuẩn GRI

Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 của VFC hiện chưa thực hiện bảo đảm bởi bên thứ ba; tuy nhiên, Công ty đã xây dựng lộ trình chuẩn hóa dữ liệu và dự kiến sẽ triển khai hoạt động kiểm soát, bảo đảm độc lập từ các đơn vị chuyên trách trong những năm tới nhằm không ngừng nâng cao tính tin cậy và minh bạch của thông tin công bố.

# GIỚI THIỆU BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TT)

## Xác định chủ đề trọng yếu

### Cách tiếp cận xác định chủ đề trọng yếu

Là báo cáo phát triển bền vững công bố lần đầu, VFC xác định chủ đề trọng yếu theo định hướng của GRI Standards 2021, tham chiếu GRI 3: Material Topics 2021. Theo đó, Công ty nhận diện các vấn đề có tác động đáng kể về kinh tế, môi trường và xã hội, đồng thời có ý nghĩa

Quá trình này giúp VFC xác định các nội dung ưu tiên công bố trong báo cáo, đồng thời hỗ trợ công tác theo dõi, quản trị rủi ro và xây dựng chương trình hành động trong các giai đoạn tiếp theo.

## Bước 01 |

### Xác định các chủ đề tiềm năng

VFC rà soát các chủ đề theo Bộ tiêu chuẩn GRI 2021, tham chiếu các vấn đề thường được quan tâm trong ngành nông dưỡc, khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại, đồng thời xem xét đặc thù hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở đó, các chủ đề có liên quan trực tiếp đến hoạt động, chuỗi giá trị và trách nhiệm của VFC được lựa chọn để đưa vào bước đánh giá tiếp theo.

## Bước 02 |

### Đánh giá mức độ tác động và khả năng xảy ra

Các chủ đề tiềm năng được đánh giá dựa trên hai tiêu chí chính: mức độ tác động và khả năng xảy ra. Trong đó, mức độ tác động được xem xét theo phạm vi ảnh hưởng, mức độ nghiêm trọng và khả năng khắc phục; còn khả năng xảy ra phản ánh khả năng phát sinh của vấn đề trong thực tế hoạt động. Kết quả đánh giá là cơ sở để xác định các chủ đề ưu tiên trên ma trận trọng yếu.

## Bước 03 |

### Tham vấn và xác nhận với các bên liên quan

Sau khi hoàn tất đánh giá sơ bộ, VFC thực hiện tham vấn nội bộ và tham vấn với các bên liên quan để rà soát mức độ phù hợp của các chủ đề đã nhận diện. Bước này giúp Công ty phản ánh đầy đủ hơn các tác động phát sinh trong thực tiễn, đồng thời ghi nhận các mối quan tâm và kỳ vọng từ nhiều góc độ khác nhau.



# GIỚI THIỆU BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TT)

## Tham vấn các bên liên quan

VFC xác định tham vấn các bên liên quan là một nội dung quan trọng trong quá trình xây dựng Báo cáo Phát triển Bền vững. Thông qua các cơ chế đối thoại phù hợp, Công ty ghi nhận các mối quan tâm, kỳ vọng và các vấn đề có khả năng tạo ra tác động đáng kể về kinh tế, môi trường và xã hội.

Kết quả tham vấn là một trong những cơ sở để VFC xác định các chủ đề trọng yếu, đồng thời rà soát và hoàn thiện các biện pháp quản trị, vận hành và công bố thông tin.

### Cổ đông

Cổ đông là nhóm bên liên quan gắn trực tiếp với hiệu quả kinh doanh, chất lượng quản trị, mức độ tuân thủ và năng lực phát triển dài hạn của Công ty. Đối với VFC, việc tham vấn cổ đông giúp Công ty ghi nhận các kỳ vọng liên quan đến tăng trưởng, quản trị rủi ro, minh bạch thông tin và định hướng phát triển bền vững; đồng thời là cơ sở để rà soát, hoàn thiện hoạt động quản trị và công bố thông tin.

Cơ chế đối thoại	Mối quan tâm của cổ đông	Biện pháp của VFC
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại hội đồng cổ đông</li> <li>- Gặp gỡ, làm việc trực tiếp với nhà đầu tư</li> <li>- Công bố thông tin theo quy định và tiếp nhận phản hồi</li> <li>- Trao đổi qua email, điện thoại và các kênh thông tin khác</li> <li>- Tham gia các sự kiện, hội chợ, triển lãm</li> </ul>	<p><b>Hiệu quả kinh doanh và tăng trưởng bền vững</b></p> <p>Chiến lược phát triển phù hợp với xu hướng thị trường, bao gồm yêu cầu về môi trường, trách nhiệm xã hội và chuyển dịch sang các giải pháp an toàn hơn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi</li> <li>- Đầu tư cho nghiên cứu phát triển và tăng cường hợp tác với các đối tác chuyên môn</li> <li>- Phát huy hợp tác nội bộ trong hệ sinh thái Tập đoàn PAN nhằm gia tăng hiệu quả và giá trị cộng hưởng</li> </ul>
	<p><b>Minh bạch thông tin, tuân thủ pháp luật và bảo vệ quyền lợi cổ đông</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định</li> <li>- Thường xuyên cập nhật các quy định pháp lý để bảo đảm tuân thủ</li> <li>- Duy trì các kênh thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh trên website Công ty</li> <li>- Thực hiện chính sách cổ tức và các quyền lợi cổ đông trên cơ sở công bằng, minh bạch</li> </ul>
	<p><b>Uy tín doanh nghiệp và giá trị dài hạn</b></p> <p>Uy tín trên thị trường, quan hệ bền vững với đối tác, khách hàng và cộng đồng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì nguyên tắc hợp tác minh bạch, tôn trọng lợi ích hài hòa giữa các bên</li> <li>- Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và năng lực tuân thủ</li> <li>- Triển khai các hoạt động đóng góp cho cộng đồng phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Công ty</li> </ul>

### Khách hàng

Khách hàng của VFC bao gồm nông dân, doanh nghiệp xuất nhập khẩu, đơn vị kho bãi, khu công nghiệp và các tổ chức có nhu cầu kiểm soát sinh vật gây hại. Đối với nhóm bên liên quan này, chất lượng sản phẩm, mức độ an toàn, khả năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và tính ổn định của dịch vụ có ý nghĩa trực tiếp đối với hoạt động sản xuất - kinh doanh. Việc tham vấn khách hàng giúp Công ty ghi nhận các yêu cầu thực tế của thị trường, đồng thời rà soát và cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ và công tác hỗ trợ kỹ thuật.

Cơ chế đối thoại	Mối quan tâm của khách hàng	Biện pháp của VFC
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu và khảo sát thị trường</li> <li>- Tiếp nhận ý kiến, phản hồi và xử lý sự cố</li> <li>- Hội nghị khách hàng, hội thảo đầu bờ</li> <li>- Trao đổi thông qua hệ thống bán hàng, phân phối</li> <li>- Tham gia các sự kiện triển lãm, giới thiệu sản phẩm</li> </ul>	<p><b>Chất lượng sản phẩm, giá cả và dịch vụ đi kèm</b></p> <p>Bao gồm giao hàng, hậu mãi, chính sách bán hàng và hỗ trợ kỹ thuật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư vào công nghệ, thiết bị và năng lực quản lý nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ</li> <li>- Duy trì kênh tiếp nhận và xử lý phản hồi khách hàng</li> <li>- Xây dựng chính sách bán hàng, chiết khấu và hỗ trợ phù hợp với từng nhóm khách hàng</li> </ul>
	<p><b>Tính minh bạch và uy tín của doanh nghiệp</b></p> <p>Thông tin sản phẩm rõ ràng, dịch vụ ổn định và năng lực đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, kiểm dịch.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công bố thông tin sản phẩm theo quy định</li> <li>- Tăng cường phối hợp với các đối tác để bảo đảm chất lượng và tính ổn định của sản phẩm, dịch vụ</li> <li>- Nâng cao năng lực tuân thủ trong hoạt động sản xuất - kinh doanh và cung ứng dịch vụ</li> </ul>
	<p><b>Trách nhiệm đối với sức khỏe, môi trường và cộng đồng</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từng bước phát triển các dòng sản phẩm công nghệ cao, hữu cơ và sinh học phù hợp với nhu cầu thị trường</li> <li>- Hướng dẫn sử dụng sản phẩm an toàn, đúng kỹ thuật</li> <li>- Triển khai các hoạt động hỗ trợ cộng đồng và chia sẻ giá trị với người sản xuất, đối tác trong chuỗi giá trị khi phù hợp</li> </ul>

# GIỚI THIỆU BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TT)

## Tham vấn các bên liên quan

### Người lao động

Người lao động của VFC trực tiếp tham gia các hoạt động liên quan đến nông dược, khử trùng hàng hóa và kiểm soát sinh vật gây hại. Đây là nhóm bên liên quan chịu tác động trực tiếp về điều kiện làm việc, an toàn nghề nghiệp, sức khỏe nghề nghiệp và yêu cầu chuyên môn kỹ thuật. Việc tham vấn người lao động giúp Công ty ghi nhận các vấn đề liên quan đến an toàn hóa chất, nhu cầu đào tạo, chế độ đãi ngộ và cơ chế đối thoại tại nơi làm việc, từ đó xây dựng các biện pháp quản trị và hỗ trợ phù hợp.

Cơ chế đối thoại	Mối quan tâm của người lao động	Biện pháp của VFC
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp giao ban tuần, tháng và họp giữa lãnh đạo với các bộ phận</li> <li>- Đối thoại thông qua Công đoàn cơ sở</li> <li>- Cơ chế tiếp nhận và xử lý khiếu nại nội bộ</li> <li>- Hợp sản xuất</li> </ul>	<b>Đào tạo và phát triển năng lực</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức đào tạo tập trung, đào tạo tại chỗ và cập nhật kiến thức chuyên môn cho người lao động</li> <li>- Đầu tư nâng cấp dây chuyền, công nghệ để người lao động có điều kiện tiếp cận phương thức làm việc mới</li> <li>- Lồng ghép tiêu chí học hỏi và phát triển vào đánh giá nhân sự</li> <li>- Thực hiện luân chuyển, giao nhiệm vụ phù hợp để phát triển năng lực chuyên môn và quản lý</li> </ul>
	<b>Môi trường làm việc an toàn và điều kiện lao động phù hợp</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị phương tiện và bảo hộ lao động theo yêu cầu công việc</li> <li>- Đào tạo an toàn, hướng dẫn vận hành thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt và tổ chức diễn tập ứng phó sự cố</li> <li>- Cải thiện điều kiện làm việc, đồng thời duy trì các quy tắc đạo đức và ứng xử tại nơi làm việc</li> <li>- Khuyến khích các hoạt động gắn kết nội bộ, văn hóa doanh nghiệp và các tổ chức đoàn thể phù hợp</li> </ul>
	<b>Chế độ đãi ngộ, lương thưởng và cơ hội phát triển</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì Công đoàn và thỏa ước lao động tập thể nhằm bảo đảm quyền lợi của người lao động</li> <li>- Ban hành các quy định rõ ràng về</li> </ul>

### Đối tác

Đối tác của VFC bao gồm nhà cung cấp hóa chất, thiết bị, hệ thống phân phối nông dược, các đơn vị phối hợp triển khai dịch vụ, cũng như các đối tác nghiên cứu - phát triển và triển khai dự án. Đây là nhóm bên liên quan có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm, mức độ tuân thủ và an toàn trong quá trình cung ứng. Việc tham vấn đối tác giúp Công ty ghi nhận các vấn đề phát sinh trong chuỗi giá trị, đặc biệt liên quan đến kiểm soát chất lượng, vận chuyển, lưu kho hóa chất và thực hiện đúng quy trình kỹ thuật.

Cơ chế đối thoại	Mối quan tâm của đối tác	Biện pháp của VFC
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát, đánh giá và làm việc để tìm hiểu cơ hội hợp tác</li> <li>- Giao dịch và phối hợp triển khai dự án</li> <li>- Tham gia các diễn đàn, hội nghị do VFC tổ chức hoặc đồng hành</li> </ul>	<b>Hợp tác hiệu quả, minh bạch và cùng tạo giá trị dài hạn</b> <b>Bao gồm tính khả thi của dự án, hiệu quả hợp tác, chia sẻ thông tin và thực hiện đầy đủ các cam kết đã ký kết.</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì nguyên tắc hợp tác minh bạch, liêm chính và tôn trọng cam kết</li> </ul>
	<b>Chính sách hợp tác rõ ràng, hỗ trợ kỹ thuật và thương mại phù hợp</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng các chính sách mua hàng, hợp tác và thỏa thuận thương mại trên cơ sở công bằng, minh bạch</li> <li>- Hướng dẫn, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật cho nhà cung cấp, nhà thầu và các bên liên quan khi cần thiết</li> <li>- Phối hợp nâng cao yêu cầu về an toàn, chất lượng sản phẩm và tuân thủ trong chuỗi cung ứng</li> </ul>
	<b>Trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khuyến khích các sáng kiến hợp tác tạo lợi ích hài hòa giữa các bên, đồng thời quan tâm đến yếu tố môi trường và cộng đồng</li> <li>- Lồng ghép các yêu cầu phù hợp về an toàn, chất lượng và trách nhiệm trong quá trình lựa chọn và làm việc với đối tác</li> </ul>

# GIỚI THIỆU BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TT)

## Tham vấn các bên liên quan

### Cơ quan nhà nước

Cơ quan quản lý nhà nước giữ vai trò thiết lập khung pháp lý và giám sát các hoạt động liên quan đến thuốc bảo vệ thực vật, kiểm dịch, hóa chất và dịch vụ khử trùng. Đối với VFC, việc tuân thủ các quy định chuyên ngành là điều kiện quan trọng để duy trì hoạt động ổn định, hợp pháp và an toàn. Việc tham vấn cơ quan quản lý giúp Công ty cập nhật yêu cầu kỹ thuật, thay đổi chính sách và các nội dung cần lưu ý trong quá trình vận hành.

Cơ chế đối thoại	Mối quan tâm của cơ quan nhà nước	Biện pháp của VFC
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham vấn trực tiếp tại các cuộc họp, hội thảo có sự tham gia của VFC</li> <li>- Thực hiện hệ thống báo cáo và công bố thông tin theo quy định</li> <li>- Phối hợp trong các chương trình thanh tra, kiểm tra của cơ quan chức năng</li> </ul>	<b>Tuân thủ pháp luật và quy định chuyên ngành</b> Bao gồm các yêu cầu về thuế, bảo hiểm, khai báo và kiểm soát hóa chất, kiểm dịch và công bố thông tin.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định pháp luật</li> <li>- Tuân thủ các quy định về khai báo, quản lý hóa chất, kiểm dịch, bảo hiểm, thuế và công bố thông tin</li> <li>- Chủ động cập nhật quy định mới để rà soát và điều chỉnh hoạt động khi cần thiết</li> </ul>
	<b>Minh bạch thông tin và phối hợp trong công tác quản lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì chế độ báo cáo và công bố thông tin theo quy định</li> <li>- Phối hợp với cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra và giám sát chuyên ngành</li> <li>- Thực hiện lưu trữ hồ sơ, dữ liệu phục vụ công tác quản lý và truy xuất khi cần thiết</li> </ul>
	<b>Đóng góp cho cộng đồng và sự phát triển chung</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia hưởng ứng các chương trình do cơ quan nhà nước phát động phù hợp với hoạt động của Công ty</li> <li>- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động và năng lực tuân thủ nhằm đóng góp tích cực hơn cho nền kinh tế và cộng đồng</li> </ul>

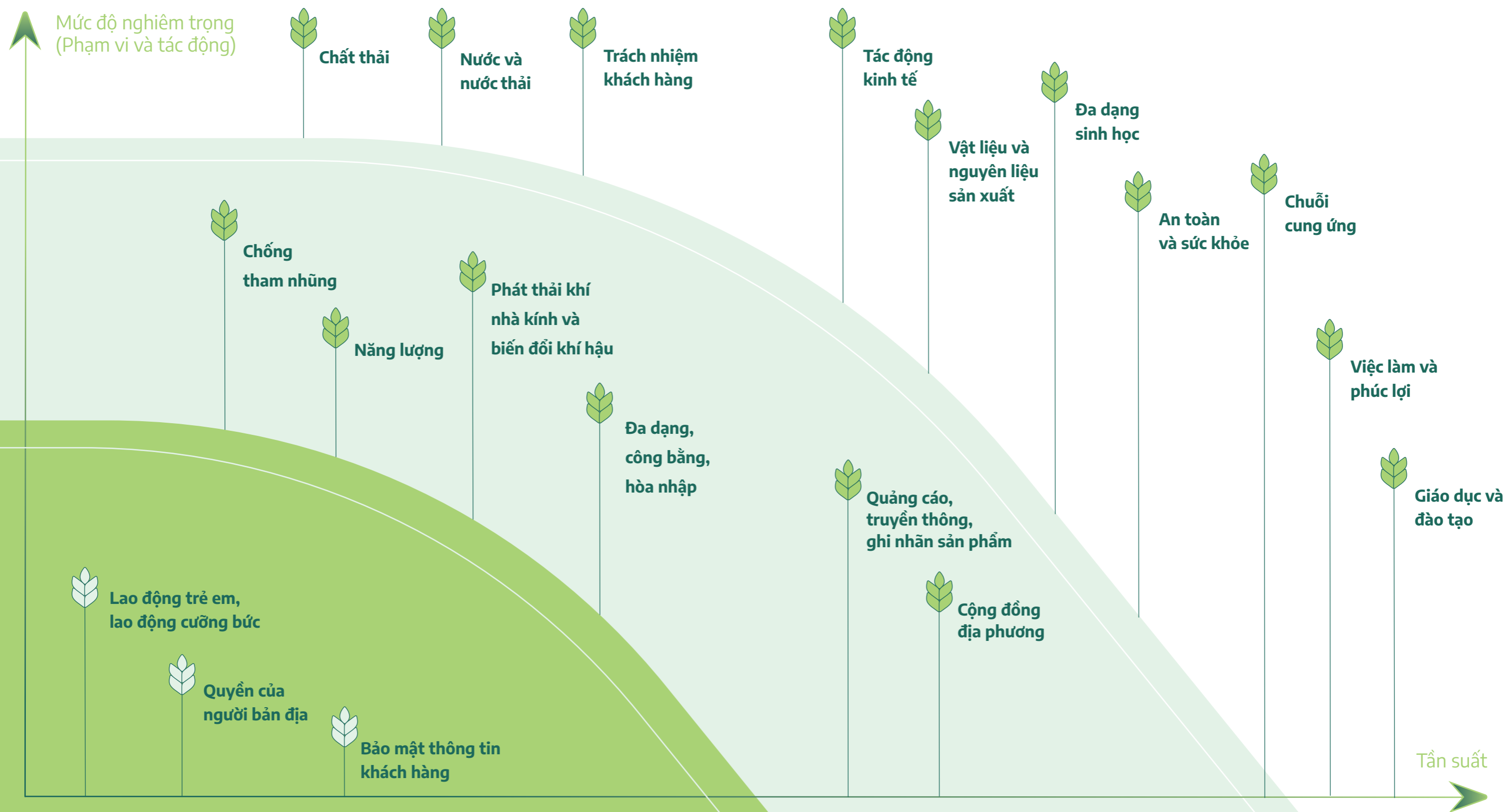
### Cộng đồng

Cộng đồng địa phương là nhóm bên liên quan chịu ảnh hưởng gián tiếp từ hoạt động cung ứng nông dược, khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại của VFC. Các mối quan tâm chính thường liên quan đến an toàn môi trường, sức khỏe cộng đồng, trật tự an toàn và tính minh bạch trong cung cấp thông tin. Việc tham vấn cộng đồng giúp Công ty ghi nhận các tác động xã hội và môi trường phát sinh từ hoạt động sản xuất - kinh doanh, qua đó rà soát và hoàn thiện các biện pháp quản trị phù hợp.

Cơ chế đối thoại	Mối quan tâm của cộng đồng	Biện pháp của VFC
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với cộng đồng địa phương</li> <li>- Tiếp nhận ý kiến qua website, thư góp ý hoặc thông qua Ban quản lý KCN, chính quyền địa phương</li> </ul>	<b>Bảo vệ môi trường và môi trường sống</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuân thủ các quy định pháp luật và các cam kết nội bộ liên quan đến môi trường</li> <li>- Từng bước cải tiến sản phẩm, công nghệ và hoạt động vận hành theo hướng sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn và giảm tác động môi trường</li> <li>- Thúc đẩy phát triển các dòng sản phẩm phù hợp với định hướng an toàn và bền vững hơn</li> </ul>
	<b>An ninh, an toàn và ổn định tại địa bàn hoạt động</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuân thủ các quy định và yêu cầu của địa phương trong quá trình hoạt động</li> <li>- Duy trì phối hợp với chính quyền và các bên liên quan tại địa bàn để xử lý các vấn đề phát sinh khi cần thiết</li> </ul>
	<b>Cơ hội việc làm và hỗ trợ sinh kế</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Góp phần tạo việc làm trực tiếp và gián tiếp thông qua hoạt động sản xuất - kinh doanh</li> <li>- Tổ chức hoặc phối hợp triển khai các hoạt động đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật phù hợp cho người dân và người sản xuất khi có điều kiện</li> </ul>
	<b>Đóng góp cho sự phát triển địa phương</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai các hoạt động cộng đồng, hỗ trợ xã hội phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng của Công ty</li> <li>- Ưu tiên các chương trình có giá trị thiết thực đối với cộng đồng địa phương khi phù hợp</li> </ul>

# GIỚI THIỆU BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TT)

## Ma trận xác định chủ đề trọng yếu



Trên cơ sở kết quả đánh giá và tham vấn, VFC xây dựng ma trận trọng yếu để phân loại mức độ ưu tiên của các chủ đề. Những chủ đề có mức độ tác động cao và khả năng xảy ra cao được xác định là các chủ đề trọng yếu ưu tiên trong kỳ báo cáo.

## GIỚI THIỆU BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TT)

Danh mục chủ đề báo cáo được phê duyệt

Trên cơ sở các chủ đề trọng yếu đã được xác định, đồng thời xem xét mối quan tâm của các bên liên quan, VFC lựa chọn các chủ đề dưới đây để công bố trong Báo cáo Phát triển Bền vững 2025:

Danh mục này là cơ sở để VFC xác định phạm vi công bố thông tin, xây dựng các chỉ tiêu theo dõi, kết nối các nội dung phát triển bền vững với mục tiêu quản trị và vận hành của Công ty, đồng thời từng bước hoàn thiện bản đồ rủi ro trong các kỳ báo cáo tiếp theo.

Cập nhật và hoàn thiện trong các kỳ báo cáo tiếp theo

VFC xác định việc nhận diện chủ đề trọng yếu là một quá trình liên tục, cần được rà soát và cập nhật định kỳ để phản ánh đúng những thay đổi của môi trường kinh doanh, chính sách quản lý và kỳ vọng của các bên liên quan.

Trong các giai đoạn tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện phương pháp đánh giá và chất lượng dữ liệu, hướng tới cách tiếp cận toàn diện và thực chất hơn đối với quản trị phát triển bền vững.



# Chương 03

## HOẠT ĐỘNG CỦA CHÚNG TÔI

3.1	PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP	50
3.2	THÚC ĐẨY NÔNG NGHIỆP XANH VÀ BỀN VỮNG	54
3.3	NGƯỜI LAO ĐỘNG - NỀN TẢNG CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	62
3.4	GIÁ TRỊ CHIA SẺ VỚI NÔNG DÂN VÀ CỘNG ĐỒNG	70
3.5	ĐỐI TÁC TIN CẬY	76

# PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

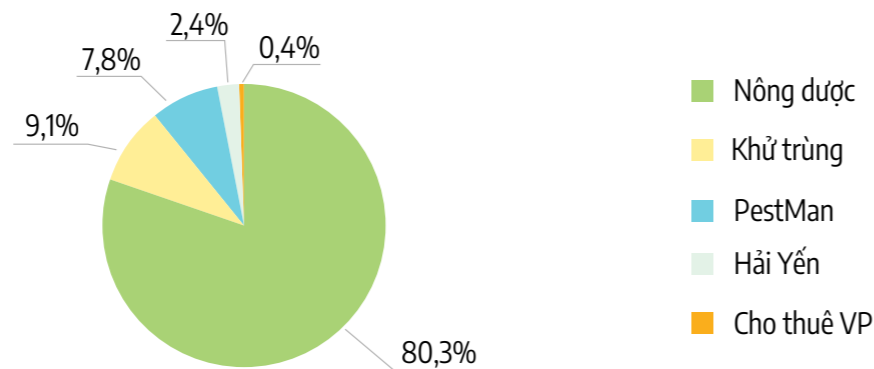
## Doanh thu và lợi nhuận

Doanh thu thuần năm 2025 đạt **3.530 tỷ đồng**, tăng **0,94%** so với năm 2024, cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn duy trì ổn định trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn.

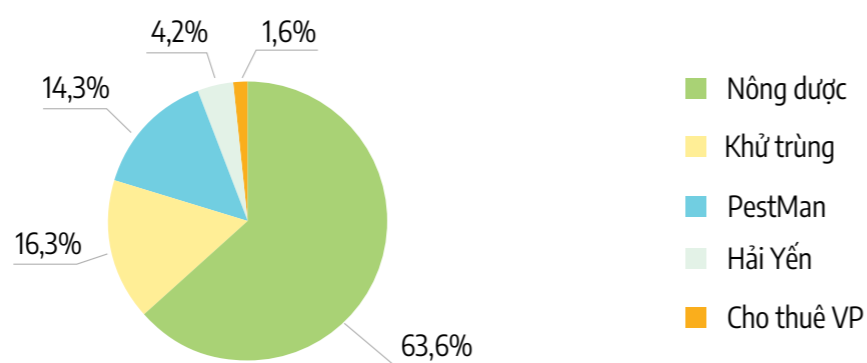
Lợi nhuận sau thuế đạt **341,9 tỷ đồng**, tương đương **99,6%** so với lợi nhuận năm 2024 sau khi loại trừ khoản lợi nhuận bất thường từ xử lý hợp nhất Công ty Hải Yến 144 tỷ đồng.

Nếu không tính khoản thu nhập bất thường này, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cốt lõi năm 2024 đạt khoảng **343,4 tỷ đồng**. So với mức 341,9 tỷ đồng đạt được trong năm 2025, kết quả này cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh chính của Công ty tiếp tục được duy trì ổn định.

### Cơ cấu doanh thu theo ngành



### Cơ cấu lợi nhuận sau thuế theo ngành



## Đổi mới sáng tạo, cải tiến sản phẩm, dịch vụ

Trong năm 2025, VFC tiếp tục thúc đẩy đổi mới trong các lĩnh vực hoạt động cốt lõi nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng, kiểm soát chất lượng và đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường. Trọng tâm của Công ty là hoàn thiện danh mục sản phẩm, nâng cao tiêu chuẩn chất lượng và tối ưu hóa quy trình cung cấp dịch vụ theo hướng an toàn, hiệu quả và có trách nhiệm hơn.

### Đổi mới danh mục sản phẩm

VFC tiếp tục mở rộng và hoàn thiện danh mục sản phẩm thông qua hợp tác với các đối tác và tổ chức khoa học - kỹ thuật trong và ngoài nước, đồng thời tăng cường nghiên cứu và phát triển. Bên cạnh các dòng sản phẩm hóa học, Công ty từng bước gia tăng tỷ trọng sản phẩm hữu cơ, sinh học và biostimulant nhằm hỗ trợ nâng cao hiệu quả canh tác và giảm áp lực sử dụng đầu vào hóa học.

Công ty cũng cải tiến các dạng chế phẩm như **SC, WG, OD** và các công thức khác nhằm giảm dung môi hữu cơ, hạn chế mùi và tăng tính tiện dụng. Đồng thời, VFC tiếp cận các công nghệ liên quan đến hoạt chất sinh học, chế phẩm vi sinh và biostimulant, hướng tới các giải pháp giúp cải thiện hệ rễ, tăng hấp thu dinh dưỡng, giảm phân bón hóa học và nâng cao sức chống chịu của cây trồng.

### Cải tiến quy trình kiểm soát chất lượng

VFC tiếp tục nâng cao tiêu chuẩn kiểm soát chất lượng trong toàn bộ chuỗi hoạt động, từ nguyên liệu đầu vào, sản xuất, đóng gói đến cung ứng dịch vụ. Công ty tăng cường kiểm soát độ tinh khiết hoạt chất, hàm lượng, độ ổn định, độ bền và các yếu tố an toàn của sản phẩm.

Hoạt động kiểm soát chất lượng được triển khai đồng thời với việc thu thập phản hồi khách hàng, cải tiến quy trình nội bộ và hướng tới phù hợp hơn với các quy chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế. Việc nâng cao chất lượng không chỉ hỗ trợ hiệu quả kinh doanh mà còn góp phần hạn chế rủi ro trong sử dụng sản phẩm và giảm lãng phí.

### Đổi mới quy trình dịch vụ PCO và Khử trùng

Đối với các mảng dịch vụ, VFC tiếp tục hoàn thiện quy trình cung cấp dịch vụ khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại theo hướng chuẩn hóa, an toàn và phù hợp hơn với từng nhóm khách hàng. Công ty áp dụng quy trình làm việc chuẩn (SOP), đồng thời tăng cường các giải pháp kiểm soát tích hợp như biện pháp vật lý, cơ học, hệ thống bẫy - bả và các loại hóa chất có mức độ mùi, tồn lưu thấp hơn khi phù hợp.

Cách tiếp cận này giúp nâng cao hiệu quả dịch vụ, giảm phụ thuộc vào phun xịt diện rộng và hạn chế tiếp xúc với hóa chất đối với khách hàng và nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tối ưu lộ trình làm việc và thời gian xử lý nhằm giảm gián đoạn hoạt động của khách hàng và nâng cao hiệu quả vận hành.



## PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP (TT)

Thuế và đóng góp ngân sách



VFC xác định việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế là một nội dung quan trọng trong quản trị doanh nghiệp và trách nhiệm kinh tế. Trong năm tài chính 2025, tổng số thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước của Công ty đạt **231,6 tỷ đồng**, tăng **1,1% so với năm 2024**. Các khoản nộp chính bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân cùng các khoản phí, lệ phí theo quy định.

Công ty chủ động kê khai, rà soát và điều chỉnh nghĩa vụ thuế khi phát sinh sai lệch, trên cơ sở phối hợp minh bạch với cơ quan thuế. Đồng thời, VFC đã triển khai hóa đơn điện tử, áp dụng kê khai và nộp thuế điện tử **100%**, qua đó nâng cao tính chính xác, kịp thời và giảm rủi ro tuân thủ. Việc duy trì thực hành thuế minh bạch và tăng cường kiểm soát nội bộ góp phần bảo đảm nền tảng quản trị tài chính lành mạnh và đóng góp ổn định cho ngân sách nhà nước.



# THÚC ĐẨY NÔNG NGHIỆP XANH VÀ BỀN VỮNG

Sử dụng năng lượng



Tổng  
điện năng  
tiêu thụ **147.282 kWh**

Mức tiêu  
hao điện  
bình quân **75,6 kWh** /tấn sản phẩm

Cải  
thiện **0,01%** so với năm 2024

VFC thúc đẩy nông nghiệp xanh và bền vững thông qua sử dụng hiệu quả năng lượng, tài nguyên, kiểm soát tốt hơn tác động môi trường và từng bước hoàn thiện danh mục sản phẩm, dịch vụ theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu phát triển bền vững của ngành.

## Sử dụng năng lượng

VFC xác định sử dụng năng lượng hiệu quả là một nội dung trọng yếu trong quản trị môi trường. Trong năm 2025, tổng điện năng tiêu thụ của Công ty đạt **147,282kWh**; bên cạnh đó, Công ty sử dụng **1.200 lít dầu DO** cho một số hoạt động vận hành.

Trong năm báo cáo, VFC tiếp tục rà soát thông số thiết bị, tối ưu thời gian chạy máy, hạn chế vận hành không tải và giảm thời gian chờ giữa các công đoạn. Nhờ đó, mức tiêu hao điện bình quân đạt **75,6 kWh/tấn sản phẩm**, cải thiện **0,01%** so với năm 2024. Tỷ lệ sản phẩm lỗi được kiểm soát ở mức **0,08%**, giảm **0,01%** so với năm trước, góp phần tiết kiệm điện năng, nguyên vật liệu và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.

Công ty đồng thời triển khai một số giải pháp hỗ trợ tiết kiệm năng lượng như thay thế đèn cao áp bằng đèn năng lượng mặt trời, bố trí mặt bằng sản xuất hợp lý, bảo trì định kỳ thiết bị và tăng cường hướng dẫn sử dụng điện an toàn, tiết kiệm tại các khu vực sản xuất.

# THÚC ĐẨY NÔNG NGHIỆP XANH VÀ BỀN VỮNG (TT)

## Nước và nước thải

Đối với VFC, quản lý nước không chỉ là kiểm soát lượng tiêu thụ mà còn là phòng ngừa rủi ro ô nhiễm phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu trữ, phân phối và sử dụng sản phẩm.

Trong năm 2025, Công ty sử dụng **2.988 m<sup>3</sup>** nước cấp và tái sử dụng **70,07 m<sup>3</sup>** nước RO thu hồi sau xử lý.

Do đặc thù hoạt động chủ yếu là phối trộn, san chiết, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật và cung cấp dịch vụ khử trùng, kiểm soát sinh vật gây hại, trọng tâm quản lý của VFC là kiểm soát rủi ro liên quan đến hóa chất và nước thải. Tại nhà máy và các cơ sở sản xuất, Công ty áp dụng các biện pháp quản lý hóa chất nhằm phòng ngừa rò rỉ, tràn đổ và hạn chế phát tán ra môi trường. Theo đó, công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của luật pháp về quản lý hóa chất, sẵn sàng các biện pháp ứng phó sự cố tràn đổ và các giải pháp khác để ngăn ngừa tối đa phát tán hóa chất ra môi trường.

### Kết quả quan trắc nước thải 2025

#### Bảng tổng hợp kết quả thử nghiệm - Mẫu NT01 / NT1

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Tiêu chuẩn KCN Thái Hòa	10/03	19/06	08/09	26/11
1	pH	TCVN 6492:2011	-	5,5 ÷ 9	6,9	7,2	7,0	7,0
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	250	72	65	22	90
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD5)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	500	35	20	16	53
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	750	96	51	32	111
5	Tổng Nito	TCVN 6638:2000	mg/L	120	12	24	10	40
6	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	mg/L	50	3,2	4,2	1,7	6,3
7	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100 mL	-	2,8×10 <sup>3</sup>	3,2×10 <sup>3</sup>	2×10 <sup>3</sup>	4,9×10 <sup>3</sup>

Nguồn: Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt do CECA thực hiện

Công ty sử dụng **2.988 m<sup>3</sup>** nước cấp

Công ty tái sử dụng **70,07 m<sup>3</sup>** nước RO thu hồi sau xử lý

Đối với nước thải, công ty xây dựng hệ thống xử lý nước thải để nước thải đạt cột A tại nhà máy Đức Hòa. Nước thải được đưa đến hố thu gom → Bể điều hòa → Bể xử lý theo phương pháp Peroxone và thải ra hệ thống thoát nước thải của KCN Thái Hòa.

Bùn phát sinh từ bể Peroxone được lọc và ép thành bùn khô, chuyển giao cho cơ quan chức năng thu gom, xử lý.

Đối với hoạt động ngoài nhà máy, VFC hướng dẫn nông dân và khách hàng thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo quy định; đồng thời thu gom rác thải phát sinh từ dịch vụ khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại để quản lý phù hợp. Các biện pháp này góp phần hạn chế nguy cơ chất thải, hóa chất hoặc bao bì tồn dư xâm nhập vào đất và nguồn nước.

#### Bảng tổng hợp kết quả thử nghiệm - Mẫu NT02 / NT2

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Tiêu chuẩn KCN Thái Hòa	10/03	19/06	08/09	26/11
1	pH	TCVN 6492:2011	-	5,5 ÷ 9	7,2	7,4	7,1	6,9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	250	103	49	37	12
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD5)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	500	68	36	25	25
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	750	153	86	48	60
5	Tổng Nito	TCVN 6638:2000	mg/L	120	47	16	18	12
6	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	mg/L	50	5,2	1,2	2,73	1,03
7	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (Aldrine)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	mg/L	0,0001	KPH (MDL= 0,00001)	KPH (MDL= 0,00001)	KPH (MDL= 0,00001)	KPH (MDL= 0,00001)
8	Hóa chất bảo vệ thực vật Phosphor hữu cơ (Malathion)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	mg/L	0,001	KPH (MDL= 0,00003)	KPH (MDL= 0,00003)	KPH (MDL= 0,00003)	KPH (MDL= 0,00003)

Nguồn: Kết quả quan trắc nước thải sản xuất do CECA thực hiện

# THỨC ĐẨY NÔNG NGHIỆP XANH VÀ BỀN VỮNG (TT)

## Quản lý chất thải / bao bì, tái chế

VFC xác định quản lý chất thải và bao bì sau sử dụng là một nội dung quan trọng trong giảm thiểu tác động môi trường và thực hiện trách nhiệm đối với vòng đời sản phẩm. Công ty kiểm soát việc thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và hướng dẫn người sử dụng thải bỏ sản phẩm theo đúng quy định. Trên nhãn bao bì các sản phẩm lưu thông trên thị trường đều thể hiện thông tin về sử dụng, bảo quản và thải bỏ.

Đối với các bao bì cỡ lớn như tank, phuy chứa thuốc kỹ thuật hoặc bán thành phẩm nhập khẩu sau sử dụng, nhà máy thực hiện thu gom và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định. Việc quản lý các loại bao bì này được thực hiện theo hướng thận trọng, phù hợp với yêu cầu kiểm soát chất thải nguy hại.

Bên cạnh đó, VFC thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) đối với bao bì thuốc bảo vệ thực vật. Trong năm 2025, Công ty đã kê khai và thực hiện nghĩa vụ EPR đối với **12.518.142 chai/gói bao bì** đưa ra thị trường, với tổng giá trị thực hiện là **447.568.960 đồng**. Việc thực hiện EPR góp phần tăng cường quản lý vòng đời sản phẩm và giảm tác động môi trường từ bao bì sau sử dụng.

## Quản lý và kiểm soát phát thải khí nhà kính

Hoạt động phối trộn, đóng gói các sản phẩm của công ty có phát tán mùi hơi hóa chất, do đó công ty đã áp dụng các biện pháp sau để kiểm soát khí thải ra môi trường

- Thiết kế dây chuyền kín hoàn toàn để hạn chế phát thải hơi hóa chất
- Làm hệ thống chụp hút hơi hóa chất tại các vị trí làm việc, dẫn qua hệ thống ống kín và lọc bụi bằng túi vải, sau đó qua tháp hấp thụ than hoạt tính các hợp chất hữu cơ. Khí thải được đưa lên ống thải cao 15m trước khi thải ra môi trường.
- Cung cấp bảo hộ lao động (mặt nạ phòng độc) để bảo vệ sức khỏe người lao động trực tiếp
- Quan trắc định kỳ chất lượng không khí nơi làm việc để cải tiến môi trường làm việc

## Tính toán CO<sub>2</sub> phát thải tại VFC

Số liệu sử dụng năng lượng:

- Lượng điện lưới tiêu thụ 2025: 147.282 kWh
- Lượng dầu DO: 1200 lít

Hệ số phát thải điện lưới Việt Nam năm 2023 = 0,6592 tCO<sub>2</sub>/MWh ~ 0,6592 kgCO<sub>2</sub>/kWh

Lượng khí CO<sub>2</sub> tương đương phát thải từ điện lưới năm 2025: 147.282 × 0,6592 = 97,0883 tCO<sub>2</sub>

Theo danh mục hệ số phục vụ kiểm kê KNK của Bộ TN&MT (QĐ 2626/QĐ-BTNMT), hệ số phát thải CO<sub>2</sub> của dầu diesel = 74.100 kgCO<sub>2</sub>/TJ; CH<sub>4</sub> = 3,9 kg/TJ; N<sub>2</sub>O = 3,9 kg/TJ

NCV diesel ~ 43 MJ/kg và khối lượng riêng ~ 0,84 kg/lít (theo IPCC 2006)

1 lít dầu DO đốt cháy sẽ phát thải 2,68 kg CO<sub>2</sub>

Lượng CO<sub>2</sub> phát thải từ sử dụng dầu DO: 1200 × 2,68/1000 = 3,216 tCO<sub>2</sub>

Lượng CO<sub>2</sub> tương đương quy đổi từ CH<sub>4</sub> phát thải từ sử dụng dầu DO: 1200 × 0,84/1000 × 43 × 3,9 × 27 = 4,56 kg CO<sub>2</sub> (e)

Lượng CO<sub>2</sub> tương đương quy đổi từ N<sub>2</sub>O phát thải từ sử dụng dầu DO: 1200 × 0,84/1000 × 43 × 3,9 × 273 = 46,15 kg CO<sub>2</sub> (e)

**Tổng phát thải khí nhà kính: 97,0883 + 3,216 + 0,00456 + 0,04615 = 100,335 tCO<sub>2</sub> tương đương**

Bảng tổng hợp kết quả quan trắc khí thải – KT01

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, Kp=1, Kv=1)	10/03	19/06	08/09	26/11
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m <sup>3</sup> /h	-	10.340	9.780	9.960	9.540
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm <sup>3</sup>	200	34	27	23	17
3	Benzene	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm <sup>3</sup>	50	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)
4	Toluene	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm <sup>3</sup>	750	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)
5	Xylen	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm <sup>3</sup>	870	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)

Nguồn: Kết quả quan trắc khí thải Xưởng C do CECA thực hiện

Bảng tổng hợp kết quả quan trắc khí thải – KT02

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, Kp=1, Kv=1)	10/03	19/06	08/09	26/11
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m <sup>3</sup> /h	-	9.000	9.000	9.060	8.700
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm <sup>3</sup>	200	25	20	20	25
3	Benzene	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm <sup>3</sup>	50	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)
4	Toluene	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm <sup>3</sup>	750	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)
5	Xylen	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm <sup>3</sup>	870	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)

Nguồn: Kết quả quan trắc khí thải Xưởng C do CECA thực hiện

# THÚC ĐẨY NÔNG NGHIỆP XANH VÀ BỀN VỮNG (TT)

Bảng tổng hợp kết quả quan trắc khí thải – KT03

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, Kp=1, Kv=1)	10/03	19/06	08/09	26/11
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m <sup>3</sup> /h	-	9.340	9.420	9.420	9.420
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/ Nm <sup>3</sup>	200	24	19	24	20
3	Benzene	PD CEN/TS 13649:2014	mg/ Nm <sup>3</sup>	50	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)
4	Toluene	PD CEN/TS 13649:2014	mg/ Nm <sup>3</sup>	750	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)
5	Xylen	PD CEN/TS 13649:2014	mg/ Nm <sup>3</sup>	870	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)

Nguồn: Kết quả quan trắc khí thải Xưởng C do CECA thực hiện

VFC xác định kiểm soát phát thải khí nhà kính là một nội dung ngày càng quan trọng trong quản trị môi trường. Nguồn phát thải chính của Công ty đến từ tiêu thụ điện năng tại nhà xưởng và văn phòng (phát thải gián tiếp - Phạm vi 2) và sử dụng nhiên liệu cho một số hoạt động vận hành, dịch vụ tại hiện trường (phát thải trực tiếp - Phạm vi 1). Trong năm 2025, tổng phát thải khí nhà kính ước tính đạt **100,335 tCO<sub>2</sub>e**, trong đó phát thải từ điện năng là **97,0883 tCO<sub>2</sub>e** và phát thải từ dầu DO là **3,267 tCO<sub>2</sub>e**.

Song song với việc lượng hóa phát thải, VFC triển khai các biện pháp kiểm soát và từng bước giảm cường độ phát thải, bao gồm tối ưu lộ trình di chuyển trong nhà máy, bảo

dưỡng định kỳ phương tiện, khuyến khích sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng và cải thiện hiệu quả vận hành trong nhà máy. Theo đó, cường độ phát thải năm 2025 đạt **0,0294 tCO<sub>2</sub>e/tỷ đồng doanh thu**, giảm **28,8%** so với năm 2024. Việc theo dõi và kiểm soát phát thải khí nhà kính là cơ sở để VFC từng bước hoàn thiện hệ thống dữ liệu môi trường, nâng cao chất lượng quản trị ESG và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu về minh bạch và giảm phát thải trong thời gian tới.

Trong năm 2025, Công ty không ghi nhận bất kỳ trường hợp vi phạm nào liên quan đến pháp luật và các quy định về môi trường.

## Đa dạng sinh học

VFC lồng ghép yếu tố bảo vệ đa dạng sinh học vào lựa chọn sản phẩm, cung cấp dịch vụ và hướng dẫn sử dụng, nhằm hạn chế tác động đến hệ sinh thái và sinh vật không mục tiêu.

Để hạn chế tác động đến đa dạng sinh học, VFC chủ trương chỉ sản xuất, phân phối các sản phẩm chất lượng cao của các nhà sản xuất hàng đầu thế giới, có chứng nhận về chất lượng, thử nghiệm độ an toàn, đảm bảo cung cấp và hướng dẫn đầy đủ thông tin an toàn trong vận chuyển, bảo quản, sử dụng. Cập nhật và tuân thủ các quy định hóa chất hạn chế/ cấm sử dụng như Glyphosate, Carbosulfan, Benfuracarb...

Trong năm 2025, VFC tiếp tục mở rộng các dòng sản phẩm sinh học, hữu cơ và biostimulant. Đối với dịch vụ PCO, khoảng **70%-80%** hợp đồng được triển khai chủ yếu bằng biện pháp không hóa chất hoặc sử dụng hóa chất ở liều lượng thấp. Đây là giải pháp lâu dài để hạn chế tác động của các loại thuốc BVTV trong nông nghiệp và là định hướng quan trọng của VFC.

# 129.586

lượt tham gia tập huấn và truyền thông

Các chương trình tập huấn và truyền thông của Công ty ghi nhận **129.586 lượt tham gia**.

Trong lịch sử hoạt động, VFC **không ghi nhận sự cố môi trường nghiêm trọng** nào ảnh hưởng đến khu bảo tồn hoặc khu vực sinh thái nhạy cảm.



# NGƯỜI LAO ĐỘNG – NỀN TẢNG CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VFC tạo giá trị xã hội không chỉ thông qua kết quả kinh doanh mà còn qua việc bảo vệ con người, hỗ trợ người nông dân và đồng hành cùng cộng đồng. Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực nông dược, khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại, Công ty chú trọng các thực hành kinh doanh có trách nhiệm, trong đó an toàn là một nội dung trọng tâm.

## An toàn cho con người trong toàn bộ hoạt động

VFC xác định an toàn là yêu cầu xuyên suốt trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ. Công ty lồng ghép yêu cầu an toàn vào quy trình vận hành, đào tạo, hướng dẫn sử dụng và quản trị rủi ro nhằm hạn chế tác động đến người lao động, khách hàng, người nông dân và cộng đồng.

### An toàn lao động và an toàn hóa chất

VFC tuân thủ các quy định về an toàn lao động và an toàn hóa chất, đồng thời áp dụng các quy trình nội bộ đối với hoạt động quản lý, sử dụng, bảo quản và xử lý hóa chất nguy hiểm. Công ty thực hiện nhận diện hóa chất, phân loại mức độ nguy hại và xây dựng biện pháp quản lý tương ứng; đồng thời phối hợp với nhà cung cấp, đối tác để cập nhật hướng dẫn an toàn và xử lý sự cố. Để duy trì hoạt động an toàn, VFC đã thành lập các ban phụ trách an toàn, PCCC, phòng chống lụt bão, y tế với tổng số 50 nhân sự.

VFC thống kê các vị trí có khả năng mắc bệnh nghề nghiệp là 684 vị trí, tuy nhiên hiện không ghi nhận trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp nào trong thời gian qua.

Số tai nạn gây thương tích xảy ra trong năm 2025 bằng 0.

### Các giải pháp an toàn trong lưu trữ, vận chuyển, bảo quản hóa chất

An toàn được kiểm soát từ khâu lưu trữ, vận chuyển đến sử dụng hóa chất. Tại kho chứa, VFC áp dụng các yêu cầu về thông gió, phân khu lưu trữ, điều kiện bảo quản và phòng cháy chữa cháy. Hoạt động vận chuyển được thực hiện theo quy trình rõ ràng, với bao bì phù hợp và các biện pháp phòng ngừa rò rỉ, tràn đổ.

Trong quá trình sử dụng, hóa chất được quản lý kèm theo hồ sơ an toàn và hướng dẫn tương ứng. Đối với dịch vụ khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại, công ty tăng cường kiểm soát thao tác tại hiện trường và ưu tiên các giải pháp ít độc hại hơn khi phù hợp.



### An toàn cho người sử dụng và khách hàng

VFC bảo đảm thông tin an toàn được thể hiện đầy đủ trên bao bì theo quy định, bao gồm cảnh báo nguy hiểm, hướng dẫn sử dụng, biện pháp an toàn, sơ cấp cứu, lưu trữ và xử lý sau sử dụng. Đây là cơ sở để hỗ trợ người sử dụng giảm thiểu rủi ro trong quá trình thao tác.

Bên cạnh đó, Công ty duy trì đội ngũ kỹ thuật, hệ thống chi nhánh và mạng lưới hỗ trợ khách hàng nhằm tư vấn về liều lượng, thời gian cách ly, biện pháp sử dụng phù hợp và các lưu ý an toàn. VFC cũng tổ chức các chương trình tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và thực hành sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn.

### Đào tạo, giám sát và ứng phó sự cố

VFC duy trì đào tạo định kỳ cho nhân viên nhà máy và đội ngũ dịch vụ hiện trường về sử dụng hóa chất, trang bị bảo hộ cá nhân, quy trình làm việc an toàn và ứng phó tình huống khẩn cấp. Công ty đồng thời thực hiện kiểm tra định kỳ đối với kho chứa, thiết bị và mức độ tuân thủ quy trình an toàn.

Khi phát sinh sự cố như rò rỉ, tràn đổ hoặc tai nạn liên quan đến hóa chất, Công ty thực hiện ghi nhận, xác định nguyên nhân và áp dụng biện pháp khắc phục phù hợp nhằm tăng cường khả năng phòng ngừa và kiểm soát rủi ro trong vận hành.

## Một số nội dung trọng tâm trong quản lý an toàn

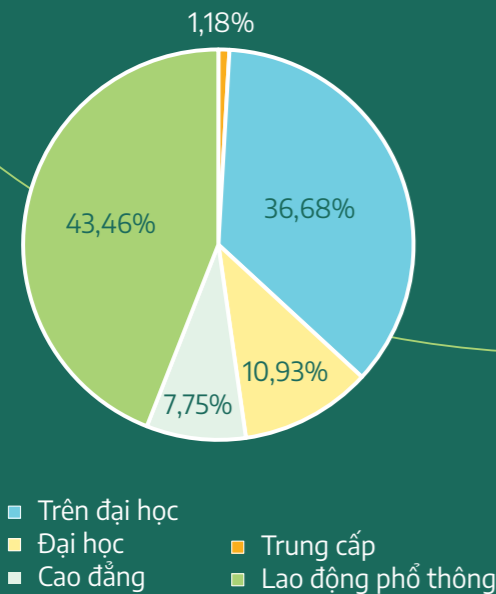
- Quản lý hóa chất theo mức độ nguy hại và phạm vi ảnh hưởng
- Kiểm soát an toàn trong lưu trữ, vận chuyển và sử dụng
- Đào tạo an toàn hóa chất và an toàn hiện trường cho người lao động
- Giám sát định kỳ kho chứa, thiết bị và quy trình vận hành
- Lập biên bản, xác định nguyên nhân và khắc phục khi có sự cố phát sinh

# NGƯỜI LAO ĐỘNG – NỀN TẢNG CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

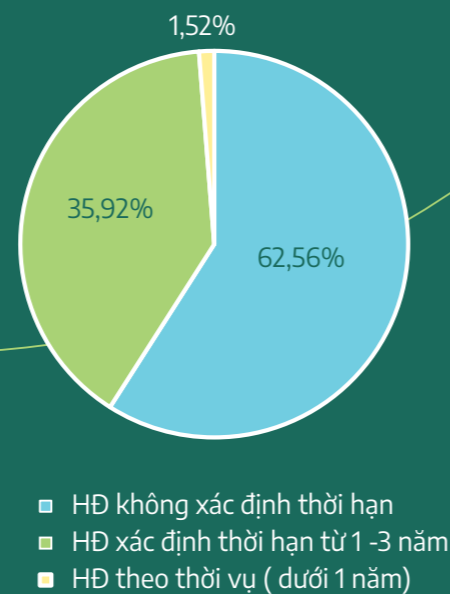
VFC xác định người lao động là nền tảng cho sự phát triển ổn định và bền vững. Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực nông dược, khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại, Công ty chú trọng đồng thời đến năng lực chuyên môn, điều kiện làm việc, thu nhập, phúc lợi và cơ hội phát triển của người lao động trong toàn hệ thống.

TỔNG SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ  
**1.445**  
TÍNH TẠI NGÀY 31/12/2025

Cơ cấu theo trình độ



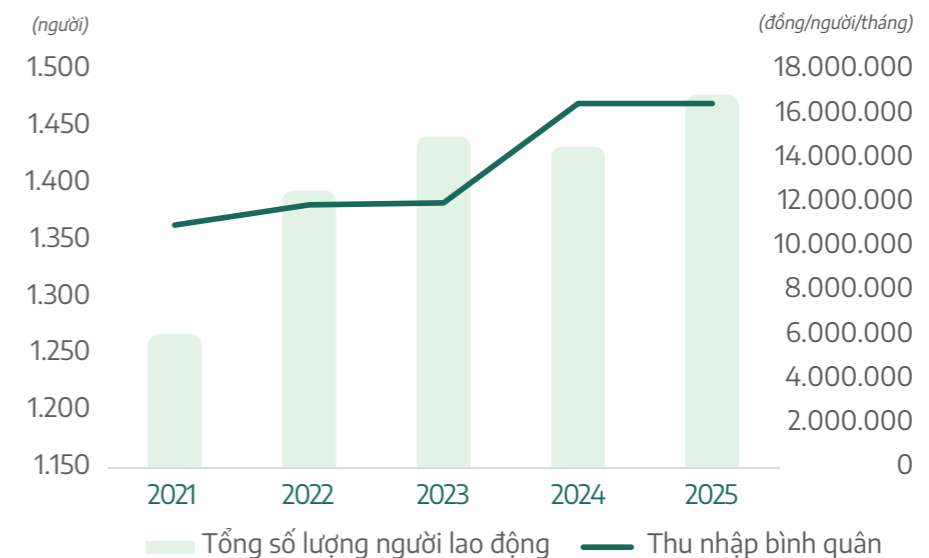
Cơ cấu theo tính chất Hợp đồng lao động



STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ	1.445	100,00%
1	Trên đại học	17	1,18%
2	Đại học	530	36,68%
3	Cao đẳng	158	10,93%
4	Trung cấp	112	7,75%
5	Lao động phổ thông	628	43,46%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	1.445	100,00%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	904	62,56%
2	Hợp đồng xác định thời hạn từ 1-3 năm	519	35,92%
3	Hợp đồng theo thời vụ (dưới 1 năm)	22	1,52%
III	Theo giới tính	1.445	100,00%
1	Nam	1.294	89,55%
2	Nữ	151	10,45%

## Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Tổng số lượng người lao động (người)	1.269	1.394	1.442	1.433	1.445
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.000.000	12.000.000	12.000.000	16.000.000	16.000.000



# NGƯỜI LAO ĐỘNG – NỀN TẢNG CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TT)

## Chế độ, phúc lợi và môi trường làm việc

VFC thực hiện đầy đủ các chế độ về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật. Công ty đồng thời duy trì các chính sách phúc lợi như khám sức khỏe định kỳ, hỗ trợ bữa ăn, trang bị bảo hộ lao động và hỗ trợ người lao động trong các dịp lễ, Tết, sinh nhật, hiếu hỉ, ốm đau, thai sản và các trường hợp khó khăn.

Đối với các vị trí làm việc tại nhà máy và hiện trường, VFC chú trọng các chế độ gắn với điều kiện lao động, an toàn nghề nghiệp và chăm sóc sức khỏe. Bên cạnh chính sách đãi ngộ, Công ty cũng duy trì môi trường làm việc an toàn, ổn định và gắn kết thông qua các hoạt động công đoàn, sinh hoạt nội bộ và chương trình văn hóa – thể thao.

Công ty thực hiện đánh giá nhân viên định kỳ hàng tháng và đảm bảo tổng số giờ làm việc của người lao động tuân thủ đúng theo quy định hiện hành. Trong năm, công ty đã tổ chức 28 khóa đào tạo với 864 lượt người tham gia, tổng thời lượng đạt 206 giờ, bao gồm các hình thức đào tạo hội nhập, chuyên môn, nâng cao và đào tạo cho đối tác, nhà thầu, thực tập sinh.

## Một số chính sách phúc lợi tiêu biểu năm 2025

Nội dung	Mức hỗ trợ
Quà sinh nhật cho người lao động	1.000.000 đồng/người/năm
Mừng người lao động kết hôn	2.000.000 đồng/người
Thăm hỏi tứ thân phụ mẫu, vợ/chồng người lao động mất	1.500.000 đồng/người
Bảo hiểm tai nạn 24/24	200.000 – 300.000 đồng/người/năm
Thưởng các ngày lễ lớn của quốc gia	1.000.000 – 3.000.000 đồng/người
Trang phục/đồng phục	1.000.000 đồng/người/năm
Khám sức khỏe định kỳ – lao động nam	850.000 đồng/người/năm
Khám sức khỏe định kỳ – lao động nữ	1.000.000 đồng/người/năm

Về phúc lợi, công ty luôn đảm bảo các chế độ cho người lao động ở mức cao hơn quy định của pháp luật, bao gồm trợ cấp, bảo hiểm tai nạn, quà tặng sinh nhật, thưởng lễ và quà Tết. Đối với lao động nữ, công ty có tặng quà nhân dịp 8/3 và 20/10, đồng thời luôn tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho tất cả người lao động. Công ty không có ngày nghỉ lễ riêng ngoài luật, tuy nhiên duy trì ngày truyền thống doanh nghiệp nhằm lan tỏa văn hóa công ty, ôn lại thành tích và tri ân những cán bộ, người lao động đã đóng góp cho sự phát triển của công ty.

VFC cam kết tuân thủ nghiêm túc thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trọng yếu trong hoạt động kinh doanh cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật lao động hiện hành.

## Đa dạng, công bằng và hòa nhập

VFC hướng tới môi trường làm việc công bằng, nơi người lao động được tiếp cận cơ hội phát triển phù hợp với năng lực, không phân biệt giới tính, độ tuổi, vùng miền, vị trí công tác hay hoàn cảnh cá nhân. Trong tuyển dụng, bố trí và sử dụng lao động, Công ty áp dụng nguyên tắc minh bạch, dựa trên yêu cầu công việc và năng lực của từng cá nhân.

Công ty đồng thời tạo điều kiện để người lao động ở các bộ phận và cấp bậc khác nhau được tiếp cận cơ hội đào tạo, học hỏi và phát triển nghề nghiệp thông qua đào tạo chuyên môn, đào tạo tại chỗ, luân chuyển vị trí và giao nhiệm vụ mới.

## Cơ cấu tuổi của người lao động

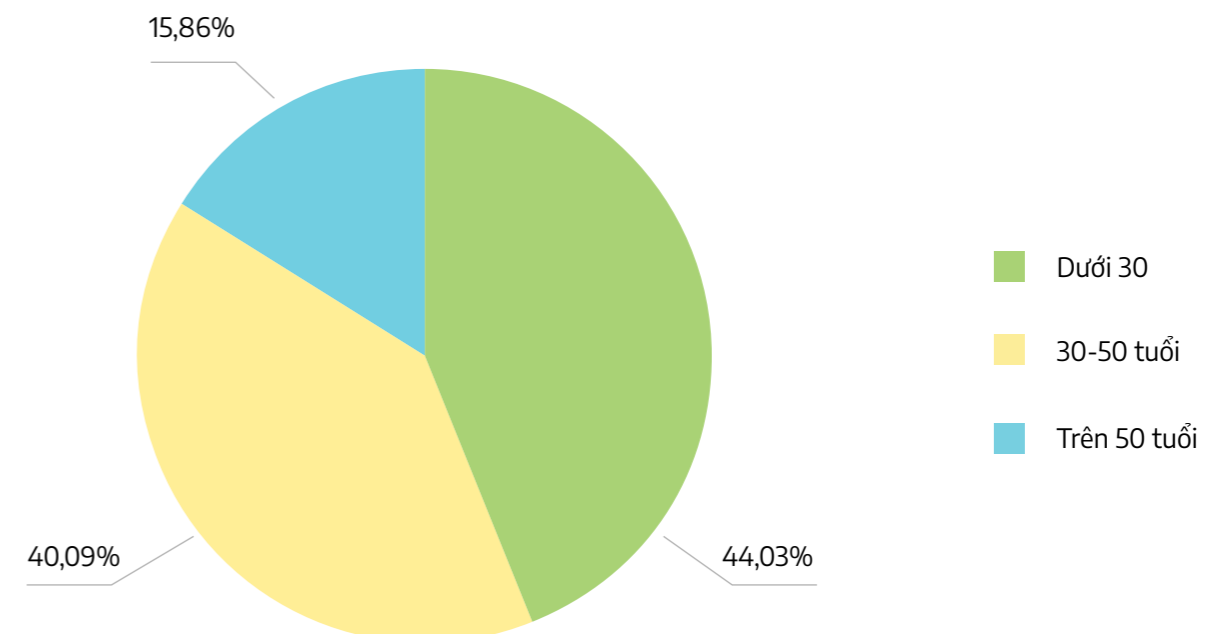
Lực lượng lao động chủ yếu nằm trong độ tuổi 30 - 50, chiếm tỷ trọng lớn, đảm bảo kinh nghiệm và tính ổn định.

## Cam kết tôn trọng quyền lao động

VFC tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về lao động và tôn trọng các nguyên tắc lao động có trách nhiệm trong toàn bộ quá trình tuyển dụng, sử dụng và quản lý nhân sự. Công ty không chấp nhận lao động trẻ em, lao động cưỡng bức hoặc bất kỳ hình thức bóc lột lao động nào.

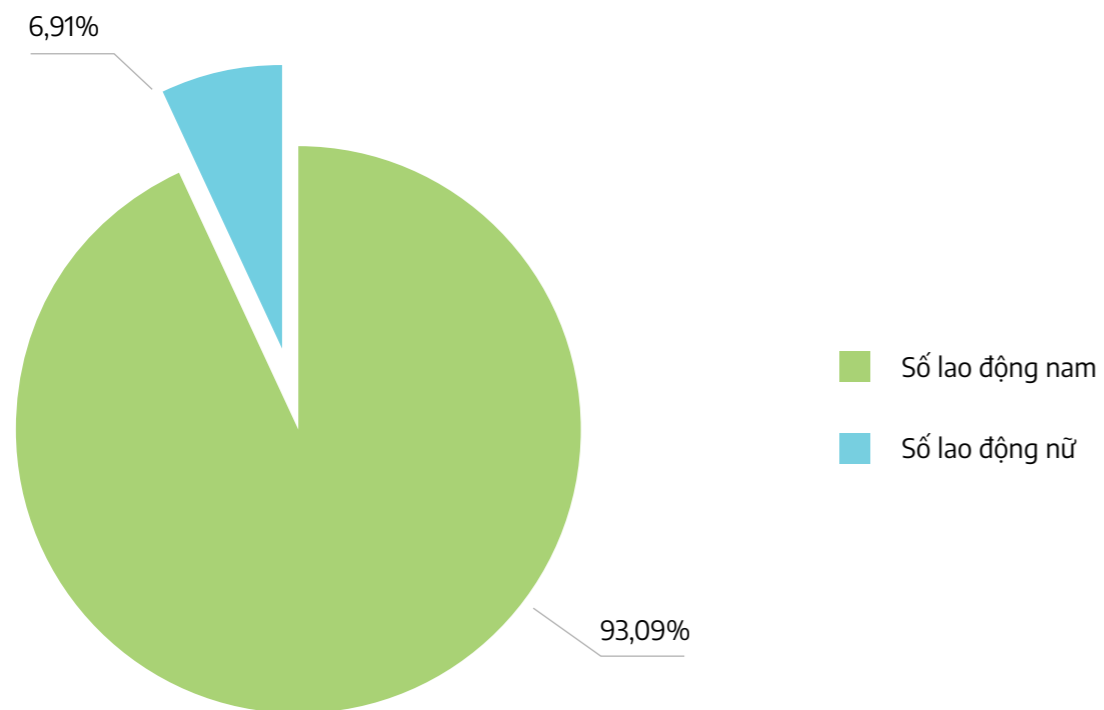
Nguyên tắc này được áp dụng trong toàn hệ thống, bao gồm văn phòng, nhà máy, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc. Người lao động được bảo đảm các quyền cơ bản theo quy định, bao gồm quyền lựa chọn việc làm, quyền chấm dứt hợp đồng, quyền được trả lương, nghỉ ngơi, tham gia bảo hiểm và phản ánh, khiếu nại khi cần thiết.

## Cơ cấu tuổi

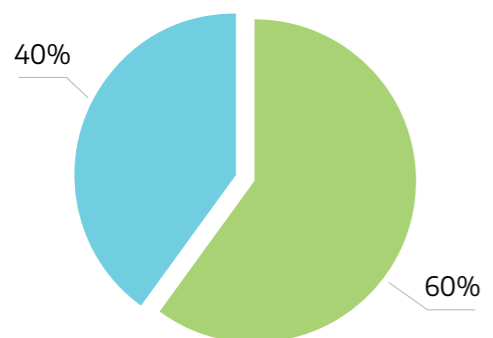


# NGƯỜI LAO ĐỘNG – NỀN TẢNG CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TT)

Cơ cấu giới tính của người lao động:

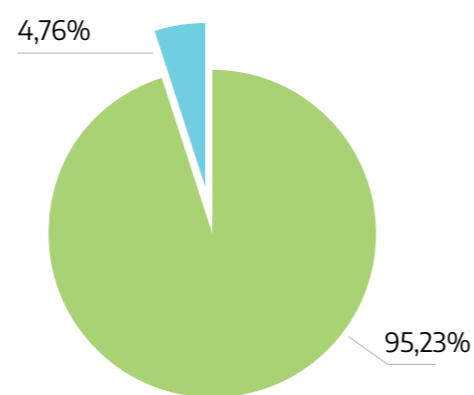


Hội đồng quản trị



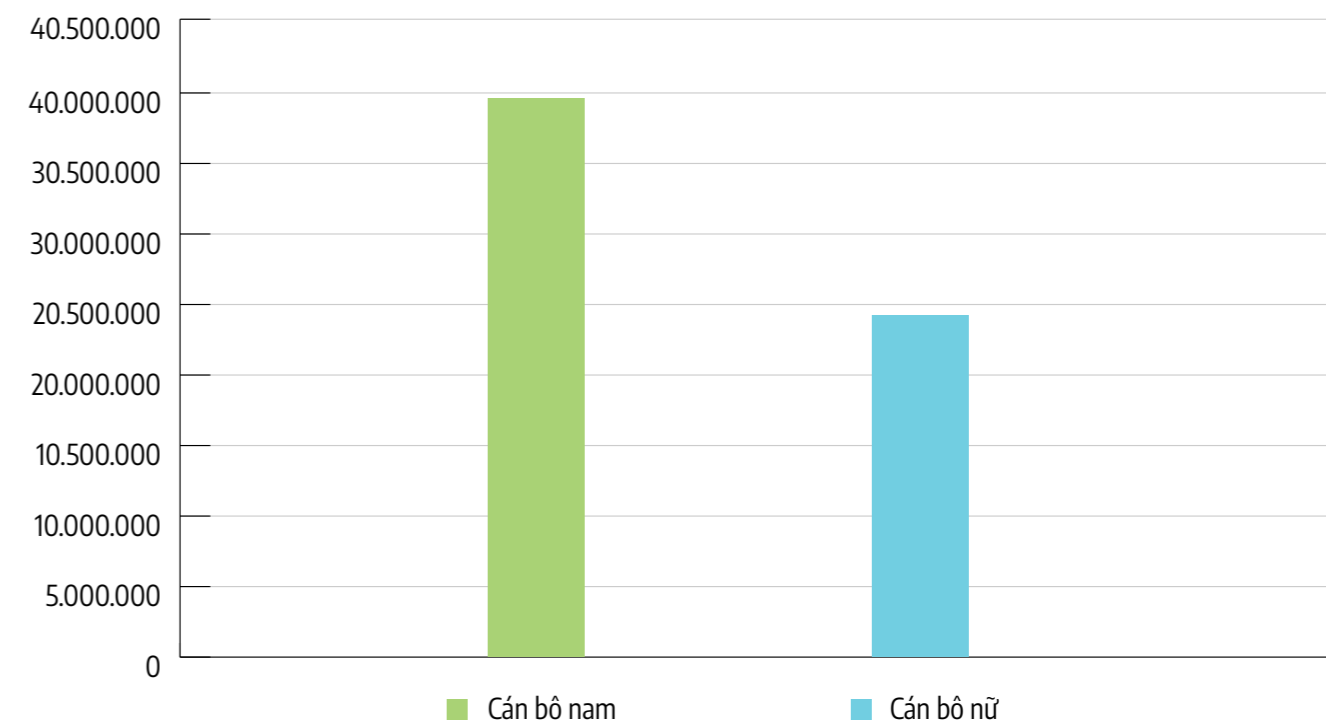
Thành viên nam    Thành viên nữ

Cấp quản lý



Quản lý nam    Quản lý nữ

Mức thu nhập trung bình của cán bộ nam và cán bộ nữ



Thống kê biến động và cơ cấu lao động 2025

STT	Nội dung	Số lượng lao động
1	Lao động là người khuyết tật	0
2	Lao động là người dân tộc	18
3	Lao động bán thời gian (tại 31/12)	0
4	Lao động thuê mới trong năm	0
5	Lao động nghỉ việc trong năm	194
6	Lao động nghỉ thai sản trong năm	2

# GIÁ TRỊ CHIA SẺ VỚI NÔNG DÂN VÀ CỘNG ĐỒNG

## Trách nhiệm với khách hàng và người sử dụng

VFC xác định trách nhiệm với khách hàng và người sử dụng là một nội dung trọng yếu trong hoạt động phát triển bền vững. Bên cạnh hiệu quả sử dụng, Công ty chú trọng bảo đảm chất lượng, an toàn, minh bạch thông tin và hỗ trợ kỹ thuật trong suốt quá trình sử dụng sản phẩm, dịch vụ.

### Bảo đảm chất lượng sản phẩm và dịch vụ

VFC kiểm soát chất lượng trong toàn bộ chuỗi hoạt động, từ nguyên liệu đầu vào, sản xuất, đóng gói đến phân phối và cung ứng dịch vụ. Trong lĩnh vực nông dược, Công ty từng bước hoàn thiện danh mục sản phẩm theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu an toàn và canh tác bền vững. Đối với dịch vụ khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại, VFC chuẩn hóa quy trình triển khai, nâng cao năng lực đội ngũ kỹ thuật và kiểm soát chất lượng tại hiện trường nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

### Minh bạch thông tin, ghi nhãn và hướng dẫn sử dụng an toàn

VFC cung cấp đầy đủ thông tin trên nhãn bao bì theo quy định, bao gồm thành phần, công dụng, hướng dẫn sử dụng, cảnh báo an toàn, thời gian cách ly, bảo quản và xử lý sau sử dụng. Công ty đồng thời thực hiện hoạt động quảng cáo, truyền thông theo nguyên tắc trung thực, minh bạch và không gây hiểu nhầm về công dụng, hiệu quả hoặc mức độ an toàn của sản phẩm, dịch vụ.

### Tư vấn kỹ thuật, tiếp nhận phản hồi và chăm sóc khách hàng

VFC duy trì đội ngũ kỹ thuật, hệ thống chi nhánh và mạng lưới hỗ trợ khách hàng nhằm tư vấn về liều lượng, thời điểm sử dụng, đặc điểm dịch hại, thời gian cách ly và các lưu ý an toàn. Công ty cũng tiếp nhận phản hồi thông qua hệ thống bán hàng, đội ngũ kỹ thuật, hội nghị khách hàng, khảo sát thị trường và các kênh trao đổi trực tiếp. Các ý kiến và vấn đề phát sinh được ghi nhận, xử lý kịp thời, đồng thời làm cơ sở để cải tiến sản phẩm, dịch vụ và quy trình vận hành.

## Đồng hành cùng nông dân và cộng đồng

VFC đồng hành cùng nông dân và cộng đồng thông qua các hoạt động chuyển giao kỹ thuật, mô hình hợp tác, tư vấn canh tác và các chương trình hỗ trợ thực tế. Thông qua đó, Công ty góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, lan tỏa thực hành canh tác an toàn hơn và tạo giá trị thiết thực cho chuỗi nông nghiệp.

### Hợp tác để tạo giá trị trong chuỗi nông nghiệp

VFC duy trì liên kết với nông dân, đại lý, nhà phân phối, doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng, đối tác nghiên cứu và các đơn vị triển khai dịch vụ trên nhiều địa bàn. Thông qua mạng lưới này, Công ty không chỉ cung cấp sản phẩm và dịch vụ mà còn chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ xử lý các vấn đề phát sinh trong canh tác, bảo quản, vận chuyển và lưu thông nông sản.

Trong lĩnh vực khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại, VFC phối hợp với các đối tác nhằm duy trì điều kiện vận hành an toàn, hạn chế rủi ro dịch hại và bảo vệ chất lượng hàng hóa trong chuỗi cung ứng. Các mối liên kết này giúp Công ty mở rộng vai trò từ nhà cung cấp sang đối tác đồng hành trong chuỗi giá trị nông nghiệp.

## Các dự án hợp tác với nông dân

Bên cạnh hoạt động tập huấn và tư vấn theo mùa vụ, VFC triển khai một số dự án hợp tác với nông dân theo hướng bài bản hơn, gắn với mô hình canh tác tiên tiến, hiệu quả sản xuất và giảm tác động môi trường.

### Cánh Đồng Hội Nhập

Mô hình canh tác theo định hướng hiệu quả – an toàn – trách nhiệm; cung cấp giải pháp kỹ thuật, quản lý dịch hại tiên tiến; khuyến khích áp dụng các thực hành tăng trưởng xanh và giảm phát thải.



Lợi ích / giá trị mang lại cho nông dân:

Giúp nông dân giảm giống, phân bón, số lần phun thuốc; sử dụng nước hợp lý, áp dụng công nghệ như phun drone; qua đó tối ưu chi phí, nâng cao năng suất và lợi nhuận. Mô hình cũng thúc đẩy áp dụng giải pháp hữu cơ – sinh học, góp phần nâng cao chất lượng nông sản và giảm tác động môi trường.

### Đề án hợp tác ba bên về sản xuất lúa chất lượng bền vững tại ĐBSCL

Triển khai mô hình lúa chất lượng cao, phát thải thấp theo quy trình của Cục Trồng trọt; kết hợp giống Vinaseed, phân bón Bình Điền II và giải pháp kiểm soát dịch hại của VFC; áp dụng gói giảm giống – giảm phân bón – giảm thuốc BVTV và tưới xen kẽ AWD.



Lợi ích / giá trị mang lại cho nông dân:

Giảm 26,3% chi phí sản xuất, trong đó giảm giống 36,2%, giảm phân bón 26%, giảm thuốc BVTV 36% so với tập quán canh tác thông thường. Đồng thời tăng năng suất 10,6%, tăng lợi nhuận hơn 46,5% và nâng tỷ suất lợi nhuận lên 67% so với 50% ở tập quán nông dân. Mô hình giúp giảm số lần phun xịt, tiết kiệm nước và giảm phát thải.

# GIÁ TRỊ CHIA SẺ VỚI NÔNG DÂN VÀ CỘNG ĐỒNG

## Các chương trình đồng hành tiêu biểu

VFC triển khai nhiều chương trình đồng hành cùng người nông dân thông qua tập huấn kỹ thuật, hội thảo đầu bờ, mô hình trình diễn, tư vấn canh tác và các hoạt động hỗ trợ trong giai đoạn khó khăn của thị trường.

STT	Tên chương trình	Điểm nhấn của chương trình	Lợi ích / giá trị mang lại cho nông dân
1	<b>CLB canh tác Sầu riêng hội nhập</b>	Tập huấn và hỗ trợ áp dụng giải pháp tiên tiến của VFC với sự đồng hành của chuyên gia, nhà khoa học; hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc 4 đúng.	Giúp nông dân tiếp cận quy trình canh tác sầu riêng bền vững, áp dụng giải pháp hữu cơ – sinh học, nâng cao chất lượng nông sản và cải thiện hiệu quả kinh tế.
2	<b>Nông dân chuyên đề / ruộng lớn</b>	Đồng hành cùng nông dân thăm ruộng, chọn giải pháp phù hợp theo mùa vụ và dịch hại.	Hỗ trợ quản lý dịch hại đúng thời điểm, giảm số lần phun thuốc, tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận và giảm tác động môi trường.
3	<b>Cùng nông dân vượt qua khó khăn</b>	Hỗ trợ nông dân trong giai đoạn giá nông sản biến động; cung cấp giải pháp kỹ thuật và quà tặng thiết thực.	Góp phần tạo động lực cho người sản xuất, tăng sự gắn kết với nông dân và hỗ trợ tiếp cận các giải pháp canh tác hiệu quả hơn.
4	<b>Sinh hoạt kỹ thuật</b>	Chia sẻ kiến thức về cây trồng, dự báo dịch hại và hiệu quả sử dụng sản phẩm.	Giúp nông dân hiểu rõ hơn về dịch hại, thời điểm sử dụng sản phẩm, từ đó canh tác hiệu quả hơn, giảm chi phí và tăng lợi nhuận.
5	<b>Tọa đàm kỹ thuật trực tuyến với chuyên gia, nhà khoa học</b>	Tạo diễn đàn trao đổi chuyên môn giữa nông dân, chuyên gia, viện, trường và đội ngũ kỹ thuật.	Giúp nông dân tiếp cận thông tin chuyên sâu về cây trồng, dịch hại và giải pháp canh tác, từ đó chủ động hơn trong sản xuất.
6	<b>Livestream kỹ thuật chuyên đề</b>	Giải đáp trực tiếp các vấn đề thực tế trong canh tác và quản lý dịch hại; chia sẻ kinh nghiệm từ chuyên gia và nông dân tiên tiến.	Hỗ trợ nông dân tiếp cận thông tin kịp thời, tăng khả năng áp dụng giải pháp trong thực tế và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Các chương trình này không chỉ cung cấp thông tin kỹ thuật mà còn tạo điều kiện để nông dân trao đổi kinh nghiệm, tiếp cận thực hành canh tác an toàn hơn và nâng cao hiệu quả sản xuất.

## Giá trị mang lại cho người nông dân

Thông qua các chương trình đồng hành, VFC tạo giá trị cho người nông dân trên ba phương diện chính:

### Kinh tế:

Hỗ trợ lựa chọn đúng giải pháp, đúng thời điểm; giảm lãng phí đầu vào, tiết kiệm chi phí và cải thiện hiệu quả canh tác. Một số mô hình còn giúp tăng năng suất, nâng cao chất lượng nông sản và cải thiện thu nhập.

### Kỹ thuật:

Giúp nông dân tiếp cận kiến thức chuyên môn, dự báo dịch hại, quy trình canh tác phù hợp với từng loại cây trồng và điều kiện địa phương.

### Môi trường:

Thúc đẩy sử dụng thuốc BVTV an toàn hơn, giảm số lần phun thuốc, khuyến khích áp dụng giải pháp hữu cơ – sinh học và từng bước tiếp cận mô hình canh tác phát thải thấp.

## GIÁ TRỊ CHIA SẺ VỚI NÔNG DÂN VÀ CỘNG ĐỒNG (TT)

### Giá trị mang lại cho cộng đồng

Bên cạnh người nông dân, VFC hướng tới tạo giá trị rộng hơn cho cộng đồng thông qua hoạt động kinh doanh có trách nhiệm và các chương trình hỗ trợ xã hội. Công ty chú trọng các nội dung như tuân thủ quy định tại địa phương, bảo vệ môi trường sống, xây dựng quan hệ hài hòa với cộng đồng xung quanh và góp phần tạo việc làm, thu nhập trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thông qua hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, chia sẻ tri thức và đồng hành với người sản xuất, VFC góp phần nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng nông thôn trước biến động thị trường, dịch hại và yêu cầu ngày càng cao của chuỗi cung ứng nông sản.

### Các chương trình đồng hành với nông dân, khách hàng và cộng đồng

Tên hoạt động	Mô tả hoạt động	Số người hưởng lợi	Giá trị tiền
Các hoạt động cộng đồng dành cho Nông dân	Chuyển giao giải pháp đầu vụ trên cánh đồng hội nhập	2,361	1,934,835,467
	Hội Thi sản phẩm	7,603	444,189,160
	Sự kiện Nông dân vùng Mekong	9,018	2,583,483,107
	Du lịch	308	1,610,299,667
	Tất niên tri ân nông dân	9,246	2,648,430,000
		<b>28,536</b>	<b>9,221,237,401</b>
	Các hoạt động cộng đồng dành cho Nhà phân phối	Du lịch trong và ngoài nước	117
Hội nghị khách hàng		337	21,743,769,361
Lễ ra mắt sản phẩm		100	350,999,763
		<b>554</b>	<b>30,422,006,198</b>

Tên hoạt động	Mô tả hoạt động	Số người hưởng lợi	Giá trị tiền
Các hoạt động cộng đồng dành cho khách hàng bán lẻ	CLB Nữ Doanh Nhân	832	5.409.247.756
	Du lịch	847	13.667.048.297
	Hộp mặt khách hàng	275	2.256.822.649
	Tất niên tri ân đại lý cấp 2 theo NPP	1.733	2.828.057.865
	Year End party cho khách hàng cấp 2 tất cả các vùng	641	4.700.263.311
	Voucher nghỉ dưỡng	785	1.070.454.545
		<b>5.113</b>	<b>29.931.894.423</b>
Ủng hộ đồng bào miền Bắc trận bão số 9	Ủng hộ đồng bào miền Bắc bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 9 tháng 9/2024 thông qua Đài PTTH TP HCM quỹ Chung Một Tấm Lòng.		500.000.000
Tặng quà cho Nông dân nghèo ăn tết	Tặng các phần quà là lương thực thực phẩm khô cho bà con Nông dân nghèo ăn tết mỗi phần quà 300.000 đồng	8.500	2.550.000.000

### Định hướng hoàn thiện

Trong thời gian tới, VFC tiếp tục hoàn thiện các thực hành tạo giá trị xã hội theo hướng thiết thực và gắn sát hơn với nhu cầu của các bên liên quan. Công ty ưu tiên nâng cao hiệu quả quản lý an toàn, hoàn thiện chính sách nhân sự, củng cố trách nhiệm với khách hàng và người sử dụng, đồng thời mở rộng các chương trình đồng hành cùng nông dân và cộng đồng theo hướng tạo giá trị dài hạn hơn.

## ĐỐI TÁC TIN CẬY

VFC xác định uy tín và niềm tin là nền tảng của quan hệ bền vững với cổ đông, khách hàng, đối tác, cơ quan quản lý và cộng đồng. Vì vậy, Công ty chú trọng quản trị minh bạch, tuân thủ pháp luật, kiểm soát rủi ro và duy trì chuẩn mực kinh doanh có trách nhiệm.

### Tuân thủ và kinh doanh có đạo đức

VFC thực hiện hoạt động sản xuất - kinh doanh trên cơ sở tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và các yêu cầu quản lý chuyên ngành liên quan đến thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất, khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại. Công ty đồng thời duy trì các nguyên tắc kinh doanh minh bạch, liêm chính, tôn trọng cam kết và bảo vệ lợi ích chính đáng của các bên liên quan.

VFC cam kết 100% nhà cung cấp mới được đánh giá dựa trên các tiêu chí/quy định môi trường hiện hành tại Việt Nam, đồng thời chủ động giám sát và thực hiện các biện pháp khắc phục kịp thời đối với các tác động tiêu cực trong chuỗi cung ứng.

Các yêu cầu về tuân thủ và đạo đức kinh doanh được lồng ghép vào hoạt động điều hành, kiểm soát nội bộ và phối hợp giữa các đơn vị nhằm hạn chế rủi ro pháp lý, rủi ro uy tín và các hành vi không phù hợp. VFC cũng chú trọng củng cố văn hóa liêm chính trong nội bộ thông qua trách nhiệm nghề nghiệp, kỷ luật công việc và minh bạch trong quan hệ với các bên liên quan.

### Quản trị rủi ro, minh bạch và công bố thông tin

VFC tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và cơ chế giám sát nội bộ nhằm nâng cao khả năng nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với các rủi ro phát sinh trong hoạt động sản xuất - kinh doanh. Các nhóm rủi ro trọng yếu được kiểm soát gồm rủi ro tài chính, tuân thủ, vận hành, an toàn, môi trường, chuỗi cung ứng, danh tiếng và công bố thông tin.

Là doanh nghiệp niêm yết, VFC thực hiện công bố thông tin đầy đủ, minh bạch và kịp thời theo quy định pháp luật. Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện **129 lượt công bố thông tin** định kỳ và bất thường, không ghi nhận vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin.



### Chống tham nhũng, hối lộ

VFC không chấp nhận các hành vi tham nhũng, hối lộ hoặc trục lợi trái quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức kinh doanh. Công ty duy trì nguyên tắc minh bạch, công bằng và liêm chính trong quan hệ với khách hàng, đối tác, nhà cung cấp, cơ quan quản lý và các bên liên quan khác.

Các quy định nội bộ về phê duyệt, kiểm soát chi phí, mua sắm, giao dịch và thực hiện hợp đồng được áp dụng nhằm hạn chế rủi ro vi phạm liên quan đến tài chính và lợi ích không phù hợp. Đồng thời, VFC tiếp tục nâng cao nhận thức về tuân thủ và đạo đức nghề nghiệp trong đội ngũ quản lý và người lao động.

### Quản trị và quyền lợi cổ đông

VFC bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông thông qua việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin, tổ chức Đại hội đồng cổ đông, chi trả cổ tức và tiếp nhận ý kiến nhà đầu tư theo quy định. Công ty duy trì nguyên tắc công bằng, minh bạch và nhất quán trong quan hệ với cổ đông, đồng thời tạo điều kiện để cổ đông tiếp cận thông tin cần thiết phục vụ việc giám sát và ra quyết định.

Đối với VFC, bảo vệ quyền lợi cổ đông không chỉ là yêu cầu tuân thủ mà còn gắn với việc duy trì nền tảng quản trị minh bạch, có trách nhiệm và ổn định trong dài hạn.

### An ninh thông tin và quản lý dữ liệu

Trong bối cảnh chuyển đổi số, VFC xác định an ninh thông tin và quản lý dữ liệu là một nội dung quan trọng trong quá trình hoàn thiện quản trị doanh nghiệp. Công ty tăng cường ứng dụng công nghệ trong vận hành, quản lý bán hàng, điều hành nội bộ và công bố thông tin, đồng thời kiểm soát việc lưu trữ, truy cập và sử dụng dữ liệu theo hướng an toàn và có kiểm soát hơn.

Việc ứng dụng các nền tảng như Workit, DMS/SFA và các công cụ quản trị dữ liệu giúp nâng cao hiệu quả vận hành, đồng thời đặt ra yêu cầu cao hơn về kỹ thuật dữ liệu, phân quyền truy cập và khả năng truy vết thông tin.

### Định hướng hoàn thiện

Trong thời gian tới, VFC tiếp tục củng cố nền tảng quản trị theo hướng minh bạch, chặt chẽ và gắn với các yêu cầu của phát triển bền vững. Trọng tâm gồm nâng cao hiệu quả kiểm soát rủi ro, tăng cường thực hành tuân thủ và đạo đức kinh doanh, hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền lợi cổ đông và từng bước nâng cao năng lực quản trị dữ liệu, an ninh thông tin.

# Chương 04

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

4.1 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	80
4.2 KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	82

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Bước sang giai đoạn phát triển mới, VFC định hướng chiến lược theo hướng kết hợp giữa tăng trưởng kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị và thúc đẩy phát triển bền vững. Trong bối cảnh ngành nông nghiệp chịu tác động từ biến đổi khí hậu, yêu cầu cao hơn về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, giảm phát thải và minh bạch chuỗi cung ứng, Công ty tập trung nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực thích ứng và giá trị tạo ra cho các bên liên quan.

### Kiên định với các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi

VFC tiếp tục tập trung vào các lĩnh vực có thế mạnh lâu năm gồm nông dược, khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại. Đây là nền tảng để Công ty duy trì hiệu quả hoạt động, củng cố vị thế thị trường và phát huy vai trò trong chuỗi giá trị nông nghiệp. Trong thời gian tới, VFC ưu tiên nâng cao chất lượng hoạt động cốt lõi, mở rộng chiều sâu từng mảng kinh doanh và tăng hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị.

### Phát triển con người và củng cố văn hóa doanh nghiệp

VFC xác định con người là một yếu tố quyết định đối với tăng trưởng dài hạn. Vì vậy, Công ty tiếp tục chú trọng đào tạo, phát triển đội ngũ, nâng cao năng lực quản lý và xây dựng nguồn nhân lực kế cận, đồng thời củng cố văn hóa doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, gắn kết và thích ứng với yêu cầu mới.

### Thúc đẩy đổi mới sản phẩm và dịch vụ theo hướng bền vững

VFC tiếp tục nghiên cứu, cải tiến và hoàn thiện danh mục sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường. Công ty định hướng phát triển các dòng sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao hơn, phù hợp hơn với yêu cầu an toàn và xu hướng canh tác bền vững. Đồng thời, các dịch vụ khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại tiếp tục được chuẩn hóa theo hướng an toàn, hiệu quả và phù hợp hơn với yêu cầu của khách hàng trong nhiều lĩnh vực.

### Mở rộng giá trị tạo ra cho các bên liên quan

Trên nền tảng chiến lược mới, VFC không chỉ hướng tới tăng trưởng tài chính mà còn hướng tới mở rộng giá trị tạo ra cho cổ đông, khách hàng, người lao động, đối tác, người nông dân và cộng đồng. Thông qua các giải pháp kỹ thuật, chương trình hỗ trợ nông dân, hợp tác trong chuỗi giá trị và các sáng kiến hướng tới sản xuất an toàn, hiệu quả, VFC tiếp tục khẳng định vai trò đồng hành cùng nông nghiệp Việt Nam.



### Chuyển dịch theo hướng nông nghiệp xanh và giảm phát thải

Trong dài hạn, VFC định hướng phát triển gắn với nông nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải. Trọng tâm gồm mở rộng các dòng sản phẩm sinh học, hữu cơ, biostimulant; nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, nước và nguyên vật liệu; đồng thời kiểm soát tốt hơn chất thải, bao bì sau sử dụng và phát thải khí nhà kính trong hoạt động sản xuất - kinh doanh.

### Nâng cao năng lực quản trị và chuyển đổi số

Song song với định hướng phát triển kinh doanh, VFC tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị theo hướng tinh gọn, minh bạch và hiệu quả. Công ty chú trọng nâng cao năng lực điều hành, kiểm soát rủi ro, chuẩn hóa quy trình và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản trị dữ liệu, điều hành nội bộ và quản lý hệ thống kinh doanh. Đây cũng là nền tảng để từng bước chuẩn hóa dữ liệu ESG và nâng cao chất lượng công bố thông tin.

## KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

### Nguyên tắc xây dựng kế hoạch Kế hoạch môi trường

Kế hoạch thực hiện ESG năm 2026 của VFC được xây dựng trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2025, các chủ đề trọng yếu đã xác định trong Báo cáo Phát triển Bền vững và định hướng chiến lược phát triển dài hạn của Công ty. Trên cơ sở đó, VFC định hướng tiếp tục cải thiện các chỉ tiêu ESG theo hướng thực chất, phù hợp với đặc thù hoạt động trong các lĩnh vực nông dược, khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại.

Kế hoạch năm 2026 tập trung vào ba yêu cầu chính:

- Nâng cao hiệu quả môi trường trong hoạt động sản xuất - kinh doanh;
- Gia tăng giá trị xã hội đối với người lao động, khách hàng, người nông dân và cộng đồng;
- Tiếp tục hoàn thiện nền tảng quản trị theo hướng minh bạch, có trách nhiệm và gắn kết chặt chẽ hơn với các yếu tố ESG.

Các mục tiêu và chương trình thực hiện được xây dựng theo hướng khả thi, có thể theo dõi và từng bước tích hợp vào hoạt động điều hành thường xuyên của Công ty.

Trên nền tảng kết quả năm 2025, VFC tiếp tục ưu tiên các nội dung môi trường gắn trực tiếp với hoạt động sản xuất - kinh doanh, bao gồm sử dụng năng lượng, quản lý phát thải, quản lý nước, chất thải và vòng đời bao bì sản phẩm. Trong năm 2025, Công ty đã ghi nhận một số kết quả chính như: điện năng tiêu thụ 147.282 kWh, phát thải khí nhà kính 100,3 tCO<sub>2</sub>e, tái sử dụng 70,07 m<sup>3</sup> nước RO sau xử lý, thực hiện nghĩa vụ EPR đối với 12,5 triệu bao bì sản phẩm và không ghi nhận sự cố môi trường nghiêm trọng.

Trên cơ sở đó, VFC đặt mục tiêu năm 2026 **giảm 5% cường độ phát thải CO<sub>2</sub>** trên một tỷ đồng doanh thu, **tăng 5% tỷ lệ tái sử dụng tài nguyên** và **nâng cao 5% hiệu quả sử dụng năng lượng** so với năm trước. Để hiện thực hóa các mục tiêu này, Công ty dự kiến triển khai một số nhóm giải pháp trọng tâm.

- Thứ nhất, về quản lý năng lượng, VFC tiếp tục tối ưu vận hành thiết bị nhà máy, rà soát các điểm tiêu hao lớn và tăng cường sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện. Công ty cũng sẽ xem xét khả năng mở rộng giải pháp điện mặt trời áp mái tại nhà máy và văn phòng khi phù hợp với điều kiện vận hành và hiệu quả đầu tư.
- Thứ hai, về kiểm soát phát thải, VFC sẽ tiếp tục tối ưu tuyến vận chuyển và hoạt động logistics, đồng thời tăng cường kiểm soát nhiên liệu đối với đội xe và các thiết bị phục vụ dịch vụ hiện trường. Song song với đó, Công ty từng bước hoàn thiện hệ thống kiểm kê phát thải khí nhà kính phạm vi 1 và phạm vi 2 nhằm nâng cao chất lượng dữ liệu và phục vụ tốt hơn cho công tác quản trị môi trường.
- Thứ ba, về quản lý nước và chất thải, VFC định hướng tăng tỷ lệ tái sử dụng nước RO, mở rộng chương trình thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và từng bước phối hợp với đối tác để triển khai các mô hình phù hợp theo định hướng kinh tế tuần hoàn đối với bao bì sản phẩm.

**Giảm 5%** cường độ phát thải CO<sub>2</sub> trên một tỷ đồng

**Tăng 5%** tỷ lệ tái sử dụng tài nguyên

**Nâng cao 5%** hiệu quả sử dụng năng lượng

- Thứ tư, về phát triển sản phẩm thân thiện môi trường, Công ty tiếp tục gia tăng tỷ trọng các dòng sản phẩm sinh học, hữu cơ và biostimulant; đồng thời cải tiến công thức theo hướng giảm dung môi, giảm mùi và phù hợp hơn với yêu cầu sử dụng an toàn và có trách nhiệm.

# 2026

## KẾ HOẠCH THỰC HIỆN (TT)

### Kế hoạch xã hội

Trong năm 2026, VFC tiếp tục định hướng gia tăng giá trị xã hội thông qua việc nâng cao năng lực hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân và khách hàng, củng cố an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, phát triển nguồn nhân lực và duy trì các hoạt động cộng đồng gắn với nông nghiệp bền vững. Nền tảng của kế hoạch này là các kết quả đã ghi nhận trong năm 2025, bao gồm 129.586 lượt nông dân và khách hàng tham gia các chương trình đào tạo, việc duy trì nhiều chính sách phúc lợi cho người lao động và kiểm soát an toàn hóa chất, an toàn lao động trong toàn hệ thống.

Trên cơ sở đó, VFC đặt mục tiêu năm 2026 **tăng 5% số lượng chương trình đào tạo** dành cho nông dân và khách hàng, **tăng 10% các hoạt động hỗ trợ cộng đồng và kỹ thuật nông nghiệp**, đồng thời **cải thiện 15% chỉ số đào tạo và phát triển nhân sự**.

- **Đối với nông dân và khách hàng**, Công ty tiếp tục mở rộng các chương trình đào tạo sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, tổ chức hội thảo đầu bờ, tăng cường hoạt động chuyển giao kỹ thuật và phát triển các mô hình như Farm Club VFC nhằm nâng cao khả năng tiếp cận giải pháp canh tác phù hợp với thực tiễn sản xuất.
- **Đối với người lao động**, VFC ưu tiên nâng cao chất lượng đào tạo an toàn hóa chất, cải tiến trang bị bảo hộ và quy trình hiện trường, đồng thời duy trì môi trường làm việc an toàn, ổn định và có điều kiện phát triển lâu dài hơn cho đội ngũ nhân sự.

**Tăng 5%** số lượng chương trình đào tạo

**Tăng 10%** các hoạt động hỗ trợ cộng đồng và kỹ thuật nông nghiệp

**Cải thiện 15%** chỉ số đào tạo và phát triển nhân sự

- **Về phát triển nguồn nhân lực**, Công ty định hướng tăng số giờ đào tạo chuyên môn, triển khai các chương trình phát triển kỹ năng kỹ thuật và quản lý, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo tại chỗ nhằm tăng năng lực thực thi trong toàn hệ thống.
- **Về hoạt động cộng đồng**, VFC tiếp tục ưu tiên các chương trình hỗ trợ phát triển nông nghiệp bền vững, phối hợp với các tổ chức nghiên cứu, đào tạo và các bên liên quan để lan tỏa kiến thức, thực hành canh tác an toàn và tạo thêm giá trị cho cộng đồng nông nghiệp tại các địa bàn hoạt động.

### Kế hoạch quản trị

Trong giai đoạn tiếp theo, VFC xác định tiếp tục hoàn thiện nền tảng quản trị là một điều kiện quan trọng để nâng cao hiệu quả thực thi ESG và củng cố niềm tin của các bên liên quan. Năm 2025, Công ty đã thiết lập một số nền tảng quan trọng như thành lập Tiểu ban ESG trực thuộc Hội đồng quản trị, thực hiện 129 lượt công bố thông tin theo quy định và tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ.

Trên cơ sở đó, mục tiêu quản trị năm 2026 của VFC là **nâng cao ít nhất 10% hiệu quả quản trị ESG**, tiếp tục hoàn thiện hệ thống dữ liệu ESG và tăng cường minh bạch thông tin.

Để đạt được mục tiêu này, Công ty sẽ tập trung vào bốn nhóm công việc:

- Thứ nhất, tiếp tục **hoàn thiện hệ thống quản trị ESG** thông qua chuẩn hóa bộ chỉ số ESG nội bộ và xây dựng công cụ theo dõi, tổng hợp dữ liệu phục vụ công tác giám sát và điều hành.
- Thứ hai, tiếp tục **nâng cao chất lượng quản trị rủi ro** bằng cách mở rộng bản đồ rủi ro ESG, đồng thời lồng ghép các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị vào hệ thống kiểm soát nội bộ và quy trình đánh giá rủi ro hiện có.

**Nâng cao ít nhất 10%**

hiệu quả quản trị ESG

- Thứ ba, **nâng cao minh bạch thông tin thông** qua việc chuẩn hóa hệ thống báo cáo theo định hướng phù hợp với GRI Standards, đồng thời tăng cường chất lượng và mức độ đầy đủ của thông tin ESG được công bố.
- Thứ tư, tiếp tục **thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị** thông qua việc ứng dụng các nền tảng như DMS, SFA, Workit và các công cụ hỗ trợ phân tích dữ liệu trong hoạt động quản trị, vận hành bán hàng và tiếp thị. Việc chuẩn hóa dữ liệu phục vụ báo cáo ESG cũng sẽ tiếp tục được ưu tiên nhằm nâng cao khả năng truy vết, tính nhất quán và chất lượng thông tin.

SUSTAINABLE  
FUTURE

## KẾ HOẠCH THỰC HIỆN (TT)

### Cơ chế theo dõi và đánh giá

Để bảo đảm kế hoạch ESG năm 2026 được triển khai hiệu quả, VFC dự kiến duy trì cơ chế theo dõi và đánh giá trên cơ sở phối hợp giữa Ban Điều hành Chương trình Phát Triển Bền Vững, các đơn vị chức năng và các tiểu ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị. Ban Điều hành có trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện các chương trình, tổng hợp kết quả và báo cáo định kỳ cho Ban lãnh đạo Công ty.

Kết quả triển khai sẽ được rà soát định kỳ nhằm kịp thời nhận diện các nội dung cần điều chỉnh, đồng thời làm cơ sở để cập nhật cho Hội đồng quản trị và Tiểu ban ESG trong công tác giám sát. Trên cơ sở đó, VFC sẽ tiếp tục công bố kết quả thực hiện trong Báo cáo Phát triển Bền vững hàng năm, từng bước nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và chất lượng quản trị ESG trong toàn hệ thống.

# Chương 05

## PHỤ LỤC

5.1 MỤC LỤC GRI

90

# PHỤ LỤC

## MỤC LỤC GRI

GRI STANDARDS	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO
<b>GRI 2: THÔNG TIN CHUNG</b>		
<b>HỒ SƠ TỔ CHỨC VÀ THÔNG LỆ BÁO CÁO</b>		
2-1	Hồ sơ tổ chức chi tiết	10-11 12-13
2-2	Đối tượng bao gồm trong báo cáo Phát triển bền vững	35
2-3	Thời gian báo cáo, tần suất và đầu mối liên hệ	35
2-4	Trình bày lại thông tin	Chưa có vì năm đầu tiên
2-5	Bảo đảm độc lập bên thứ ba	35
<b>HOẠT ĐỘNG VÀ LAO ĐỘNG</b>		
2-6	Các hoạt động, chuỗi cung ứng và mối quan hệ kinh doanh khác	15 16-17 18-19 32
2-7	Thông tin về nhân viên	62-69
2-8	Thông tin về người lao động	67
<b>QUẢN TRỊ</b>		
2-9	Cơ cấu và thành phần quản trị	26-27
2-10	Bổ nhiệm và lựa chọn cấp quản lý cao nhất	28-29
2-11	Chủ tịch của cấp quản lý cao nhất	29
2-12	Vai trò của cấp quản lý cao nhất giám sát việc quản lý các tác động kinh tế, môi trường, con người	27 76
2-13	Trách nhiệm quản lý các tác động kinh tế, môi trường, con người	30
2-14	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong lập báo cáo phát triển bền vững	28
2-15	Xung đột lợi ích	30
2-16	Truyền đạt các mối quan ngại cấp bách	30
2-17	Kiến thức tổng hợp của cấp quản lý cao nhất	28-29
2-18	Đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp quản lý cao nhất	28-30

GRI STANDARDS	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO
2-19	Chính sách về thù lao	66
2-20	Quy trình xác định mức thù lao	66
2-21	Tỷ lệ tổng thù lao hàng năm	69
<b>CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH VÀ THỰC TIỄN</b>		
2-22	Chiến lược Phát triển bền vững	14 25 31
2-23	Cam kết chính sách	15 38
2-24	Lồng ghép các cam kết chính sách	25-26
2-25	Quy trình khắc phục tác động tiêu cực	76
2-26	Cơ chế tư vấn và báo cáo các mối quan ngại về đạo đức	16
2-27	Tuân thủ luật pháp và các quy định	31 76
2-28	Quyền hội viên trong các hiệp hội	15
<b>SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN</b>		
2-29	Phương pháp tiếp cận sự tham gia của các bên liên quan	38-43
2-30	Các thoả ước thương lượng tập thể	66-67
<b>GRI 3: XÁC ĐỊNH CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU</b>		
3-1	Quy trình xác định chủ đề trọng yếu	36-37
3-2	Danh mục các chủ đề trọng yếu	46-47
3-3	Quản lý các chủ đề trọng yếu	46-47
<b>GRI 201: HIỆU QUẢ KINH TẾ</b>		
201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	50-53
201-2	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu	24
201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	66

# PHỤ LỤC (TT)

## MỤC LỤC GRI

GRI STANDARDS	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO
201-4	Hỗ trợ tài chính nhận được từ chính phủ	
<b>GRI 202: SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG</b>		
202-1	Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng	65-69
202-2	Tỷ lệ thành viên ban lãnh đạo được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương	
<b>GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP</b>		
203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	70-75
203-2	Tác động kinh tế gián tiếp đáng kể	14-15
<b>GRI 204: THÔNG LỆ MUA SẴM</b>		
204-1	Tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp địa phương	76-77
<b>GRI 205: CHỐNG THAM NHŨNG</b>		
205-1	Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	77
205-2	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	
205-3	Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và hành động đã thực hiện	
<b>GRI 206: HÀNH VI CHỐNG CẠNH TRANH</b>		
206-1	Hành động pháp lý đối với hành vi chống cạnh tranh, thực hành độc quyền và chống độc quyền	76
<b>GRI 207: THUẾ</b>		
207-01	Cách tiếp cận thuế	52
207-02	Quản lý, kiểm soát và quản trị rủi ro về thuế	
207-03	Sự tham gia của các bên liên quan và quản lý các mối quan tâm liên quan đến thuế	
207-04	Báo cáo theo từng quốc gia	
<b>GRI 300: MÔI TRƯỜNG</b>		

GRI STANDARDS	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO
<b>GRI 301: VẬT LIỆU</b>		
301-1	Vật liệu đã được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng	55
301-2	Vật liệu tái chế được sử dụng	
301-3	Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm	
<b>GRI 302: NĂNG LƯỢNG</b>		
302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	55
302-2	Tiêu thụ năng lượng ngoài tổ chức	
302-3	Cường độ sử dụng năng lượng	
302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	
302-5	Giảm nhu cầu năng lượng	
<b>GRI 303: NƯỚC VÀ NƯỚC THẢI</b>		
303-1	Ứng xử với nguồn nước chung	56
303-2	Quản lý tác động của nước thải	
303-3	Nước lấy từ tự nhiên	
303-4	Nước thải	
303-5	Nước sử dụng	
<b>GRI 304: ĐA DẠNG SINH HỌC</b>		
304-1	Các cơ sở hoạt động được sở hữu, cho thuê, quản lý trong, hoặc gần các khu vực được bảo tồn và các khu vực đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu được bảo tồn	Không liên quan
304-2	Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học	61
304-3	Các môi trường sống được bảo tồn hoặc phục hồi	Không liên quan
304-4	Các loài trong Sách Đỏ của IUCN và các loài trong danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong các khu vực chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động	Không liên quan

# PHỤ LỤC (TT)

## MỤC LỤC GRI

GRI STANDARDS	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO
<b>GRI 305: PHÁT THẢI</b>		
305-1	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)	58-60
305-2	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	
305-3	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3)	
305-4	Thâm dụng phát thải khí nhà kính (GHG)	
305-5	Giảm phát thải khí nhà kính (GHG)	
305-6	Phát thải các chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS).	
305-7	Nitrogen oxides (NOx) sulfur oxides (SOx), và các phát thải khí đáng kể khác.	
<b>GRI 306: NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI</b>		
306-1	Tổng lượng nước thải theo chất lượng và địa điểm	56-59
306-2	Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý	
306-3	Sự cố tràn đáng kể	
306-4	Chất thải tránh khỏi được thải bỏ	
306-5	Chất thải phải xử lý	
<b>GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG</b>		
307-1	Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường	61
<b>GRI 308: ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MÔI TRƯỜNG</b>		
308-1	Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường	76
308-2	Các tác động môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	
<b>GRI 401: VIỆC LÀM</b>		
401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	69
401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	66
401-3	Nghỉ thai sản	69

GRI STANDARDS	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO
<b>GRI 402: MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG/QUẢN LÝ</b>		
402-1	Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động	66-67
<b>GRI 403: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP</b>		
403-1	Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	62-63
403-2	Xác định nguy cơ, đánh giá rủi ro và điều tra sự cố	
403-3	Dịch vụ y tế trong tổ chức	66
403-4	Tham gia, tư vấn và truyền thông về sức khỏe và an toàn lao động	63
403-5	Huấn luyện cho công nhân về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp	
403-6	Thúc đẩy sức khỏe của người lao động	66
403-7	Ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp được liên kết trực tiếp bởi các mối quan hệ kinh doanh	62-63
403-8	Công nhân được bảo vệ bởi hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	
403-9	Các chấn thương liên quan đến công việc	62
403-10	Các bệnh liên quan đến công việc	
<b>GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>		
404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho nhân viên	66
404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	
404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp.	
<b>GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG</b>		
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	67-69
405-2	Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới	
<b>GRI 406: KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ</b>		
406-1	Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện	67-69

# PHỤ LỤC (TT)

## MỤC LỤC GRI

GRI STANDARDS	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO
<b>GRI 407: TỰ DO LẬP HỘI/QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ</b>		
407-1	Các hoạt động và các nhà cung cấp mà ở đó quyền tự do lập hội/quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể có thể gặp rủi ro	67
<b>GRI 408: LAO ĐỘNG TRẺ EM</b>		
408-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em	67
<b>GRI 409: LAO ĐỘNG CƯỠNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC</b>		
409-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	67
<b>GRI 410: THÔNG LỆ VỀ AN NINH</b>		
410-1	Nhân viên an ninh được đào tạo về các quy trình hoặc chính sách về quyền con người	67
<b>GRI 411: QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA</b>		
411-1	Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa	67
<b>GRI 412: ĐÁNH GIÁ QUYỀN CON NGƯỜI</b>		
412-1	Những hoạt động cần phải rà soát về quyền con người hoặc đánh giá tác động	67
412-2	Đào tạo nhân viên về các quy trình hoặc chính sách về quyền con người	
412-3	Những hợp đồng và thỏa thuận đầu tư quan trọng có bao gồm các điều khoản về quyền con người hoặc đã được đánh giá sơ bộ về quyền con người	
<b>GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG</b>		
413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	15
413-2	Những hoạt động có thể tác động tiêu cực hoặc đã gây tác động tiêu cực đáng kể với cộng đồng và địa phương	70

GRI STANDARDS	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO
<b>GRI 414: ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MẶT XÃ HỘI</b>		
414-1	Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về xã hội	Không liên quan
414-2	Các tác động xã hội tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	Không liên quan
<b>GRI 415: CHÍNH SÁCH CÔNG</b>		
415-1	Đóng góp chính trị	Không liên quan
<b>GRI 416: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG</b>		
416-1	Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ	70
416-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động	
<b>GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU</b>		
GRI 417-1	Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ	31 70
GRI 417-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ	31
GRI 417-3	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị	
<b>GRI 418: QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG</b>		
GRI 418-1	Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng	77
<b>GRI 419: Tuân thủ về Kinh tế-Xã hội</b>		
GRI 419-1	Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội	52

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

---

Địa chỉ: 29 Tôn Đức Thắng,  
Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh  
Tel: (028) 3822 8097  
Email: [info@vfc.com.vn](mailto:info@vfc.com.vn)  
Website: [www.vfc.com.vn](http://www.vfc.com.vn)





GIÁ TRỊ ĐÍCH THỰC

CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

